

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
NGÀNH LUẬT

HẢI PHÒNG – 2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**NHẬN VÀ NUÔI CON NUÔI THEO
PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH LUẬT**

Sinh viên : Đinh Thị Bích Duyên

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Vũ Thị Thanh Lan

HẢI PHÒNG – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đinh Thị Bích Duyên Mã SV: 1812901005
Lớp : PL2201D
Ngành : Luật
Tên đề tài: Nhận và nuôi con nuôi theo pháp luật Việt Nam

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Chương I : Trình bày khái quát chung về nuôi con nuôi ;
- Chương II : Trình bày những quy định pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi có liên hệ thực tiễn ;
- Chương III : Một số đề xuất hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi và tổ chức thực hiện.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Luật nuôi con nuôi 2010;
- Luận văn thạc sĩ luật học: “Chế định nuôi con nuôi theo pháp luật Việt Nam”;
- Tài liệu “Hội nghị toàn quốc tổng kết thi hành Luật nuôi con nuôi và công ước La Hay số 33 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế”.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Văn phòng công chứng Trần Bằng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Vũ Thị Thanh Lan

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam

Nội dung hướng dẫn: Nhận và nuôi con nuôi theo pháp luật Việt Nam

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 14 tháng 03 năm 2022

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 06 năm 2022

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

XÁC NHẬN CỦA KHOA

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

NCN	: Nuôi con nuôi
BLDS	: Bộ luật dân sự
HN&GD	: Hôn nhân và gia đình
UBND	: Ủy ban nhân dân
NLHVDS	: Năng lực hành vi dân sự
TAND	: Tòa án nhân dân
BLTTDS	: Bộ luật Tố tụng dân sự

LỜI CAM ĐOAN

Tôi – Đinh Thị Bích Duyên, sinh viên chuyên ngành Luật, Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng xin khẳng định rằng dưới đây là quá trình tìm hiểu và nghiên cứu của một mình tôi với sự hướng dẫn của Ths.Vũ Thị Thanh Lan.

Tác giả

Đinh Thị Bích Duyên

MỤC LỤC

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Vũ Thị Thanh Lan	2
PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NUÔI CON NUÔI	2
1.1 Khái niệm chung	2
1.1.1 Khái niệm con nuôi	2
1.1.2 Khái niệm nuôi con nuôi	3
1.1.3 Đặc điểm của quan hệ nuôi con nuôi	5
1.2 Mục đích, ý nghĩa của việc nuôi con nuôi	7
1.2.1 Mục đích của việc nuôi con nuôi	7
1.2.2 Ý nghĩa của việc nuôi con nuôi	7
1.3 Pháp luật một số quốc gia trên thế giới về nuôi con nuôi	9
CHƯƠNG 2: PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ NUÔI CON NUÔI	14
2.1 Khái quát quá trình phát triển của pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi	14
2.2 Các nguyên tắc cơ bản về nhận nuôi con nuôi	22
2.2.1 Nguyên tắc khi giải quyết việc nuôi con nuôi phải tôn trọng quyền trẻ em là được sống trong môi trường gia đình gốc	22
2.2.2 Nguyên tắc việc nuôi con nuôi phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người được nhận làm con nuôi và người nhận con nuôi, tự nguyện, bình đẳng, không phân biệt nam nữ, không trái pháp luật và đạo đức xã hội	23
2.2.3 Nguyên tắc chỉ cho làm con nuôi người ở nước ngoài khi không thể tìm được gia đình thay thế ở trong nước	24
2.3 Điều kiện nuôi con nuôi	24
2.3.1 Điều kiện đối với người được nhận làm con nuôi	24
2.3.2 Điều kiện đối với người nhận nuôi con nuôi	25
2.4 Đăng ký nuôi con nuôi	27
2.4.1 Thẩm quyền đăng ký nhận nuôi con nuôi	27
2.4.2 Hồ sơ nhận nuôi con nuôi	27
2.4.3 Thủ tục nhận nuôi con nuôi	28
2.5 Hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi	28
2.5.1 Quan hệ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi	29
2.5.2 Quan hệ giữa con nuôi với các thành viên khác trong gia đình cha mẹ nuôi	33
2.5.3 Quan hệ giữa cha mẹ đẻ với con đã làm con nuôi	33
2.6 Chấm dứt của việc nuôi con nuôi	34

<i>2.6.1 Căn cứ pháp lý về chấm dứt việc nuôi con nuôi</i>	34
<i>2.6.2. Thủ tục chấm dứt việc nuôi con nuôi</i>	35
<i>2.6.3. Hậu quả chấm dứt việc nuôi con nuôi</i>	36
2.7. Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	37
<i>2.7.1 Các trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài</i>	37
<i>2.7.2 Điều kiện đối với người nhận con nuôi</i>	37
<i>2.7.3 Hồ sơ của người nhận con nuôi</i>	37
<i>2.7.4 Hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi nước ngoài</i>	38
<i>2.7.5 Trình tự, thủ tục nhận nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài</i>	38
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG	41
PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI Ở VIỆT NAM	41
3.1 Thực trạng về nuôi con nuôi ở Việt Nam	41
<i>3.1.1 Kết quả hoạt động đăng ký nuôi con nuôi</i>	41
<i>3.1.2 Một số tồn tại trong hoạt động nuôi con nuôi</i>	43
3.2 Một số đề xuất hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi và tổ chức thực hiện	46
<i>3.2.1 Các đề xuất pháp lý về nuôi con nuôi</i>	46
<i>3.2.2. Các đề xuất tổ chức thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi</i>	55
KẾT LUẬN	58
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	59

PHẦN MỞ ĐẦU

*Tính cấp thiết của đề tài.

Chất lượng cuộc sống ngày một nâng cao cùng với sự phát triển không ngừng của xã hội. Bên cạnh đó, trong cuộc sống chúng ta đang sống mỗi ngày có những gia đình con cái mồ côi do mất đi cha mẹ vì bệnh tật, cha mẹ bỏ rơi con cái vì còn ở đâu đó số ít những hoàn cảnh khó khăn, có những gia đình ông bà đã già vẫn phải trông nom, nuôi dưỡng cháu thay cha mẹ. Và cũng không ít những cặp vợ chồng mong muốn có con nhưng lại vô sinh. Hơn thế, nhu cầu nhận nuôi con nuôi của những người chưa kết hôn đang phát triển khá mạnh mẽ. Chính vì những lý do đó, nhu cầu nuôi con nuôi cũng tăng mạnh hơn trước. Bởi vậy, pháp luật điều chỉnh quan hệ nuôi con nuôi cũng từng bước hoàn thiện và hướng tới bảo vệ tốt hơn cho những đứa trẻ được nhận nuôi đã giúp cho nhiều trẻ em mồ côi, cơ nhỡ có được mái ấm gia đình mới, có được sự nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt hơn cảm nhận được sự yêu thương của những người thương yêu mình và có thể trở thành một người có ích cho xã hội sau này.

Cũng như nhiều các quốc gia khác trên thế giới, Pháp luật Việt Nam cũng đã ban hành Luật nuôi con nuôi nhằm quy định các quyền và nghĩa vụ của người nhận nuôi con nuôi, người được nhận làm con nuôi, điều kiện để việc nuôi con nuôi hợp pháp, các thủ tục và thẩm quyền đăng ký nuôi con nuôi không chỉ ở phạm vi trong nước mà cả nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đã được quy định một cách cụ thể, đồng thời để hạn chế xảy ra các trường hợp nhận nuôi con nuôi bất hợp pháp như: nhận nuôi con nuôi nhưng không đăng ký do đó không làm phát sinh quan hệ cha, mẹ, con dẫn đến các quyền và nghĩa vụ của các bên không được pháp luật bảo vệ; lợi dụng việc nhận nuôi con nuôi để trục lợi bản thân.

Với tinh thần nhân đạo sâu sắc và sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước đối với trẻ em, đồng thời tìm hiểu thêm để hiểu rõ hơn những về quy định pháp luật nuôi con nuôi và thực tiễn thực hiện việc nuôi con nuôi trong nước, tôi đã chọn đề tài “Nhận và nuôi con nuôi theo pháp luật Việt Nam”.

*Kết cấu : Gồm 3 chương

Chương I: Khái quát chung về nuôi con nuôi

Chương II: Pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi

Chương III: Một số đề xuất hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi và tổ chức thực hiện

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NUÔI CON NUÔI

1.1 Khái niệm chung

1.1.1 Khái niệm con nuôi

Về mặt xã hội nói chung, con nuôi có thể được hiểu như sau: “Con không phải do cha, mẹ sinh ra nhưng được cha, mẹ nuôi như con đẻ”[7]. Khái niệm con nuôi được định nghĩa đầy đủ hơn như sau: “Con nuôi (con trai, con gái không do vợ, chồng trong một gia đình sinh ra, mà do nhận con của người khác về nuôi dưỡng, xem như con đẻ”. Định nghĩa này thể hiện nội hàm của khái niệm con nuôi dưới góc độ xã hội học, chứa đựng những dấu hiệu cơ bản sau:

Thứ nhất, con nuôi là người không phải do người đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sinh ra, giữa hai bên không có quan hệ sinh thành.

Thứ hai, là người được một người hoặc hai người là vợ chồng nhận làm con.

Thứ ba, hai bên có quan hệ cha mẹ và con với nhau.

Như vậy, về mặt xã hội, con nuôi là con của người khác nhưng được một người hoặc hai người là vợ chồng nhận làm con và coi như con đẻ, nhằm thỏa mãn những nhu cầu, lợi ích nhất định của các bên.

Dưới góc độ khoa học, quan hệ cha mẹ và con được hình thành trên cơ sở sinh đẻ, trong đó có sự di truyền gen từ thế hệ cha mẹ sang thế hệ con cái một cách gián tiếp, nhằm bảo đảm sự kế tục nòi giống, phù hợp với quy luật tự nhiên của quá trình tái sản xuất. Do đó, con đẻ, về nguyên tắc, bao giờ cũng mang huyết thống và gen di truyền của cha mẹ, do cha mẹ truyền lại và do cha mẹ sinh ra.

Ngược lại, con nuôi không có quan hệ huyết thống trực hệ với cha mẹ nuôi và không mang gen di truyền của cha mẹ nuôi. Trong một số trường hợp, người được nhận làm con nuôi có thể có quan hệ huyết thống với người nhận nuôi, như chú nhận cháu làm con nuôi, nhưng giữa họ không thể có quan hệ sinh thành. Nếu có quan hệ sinh thành thì sẽ làm phát sinh quan hệ giữa những người cùng huyết thống về trực hệ, đó là quan hệ giữa cha mẹ đẻ và con, quan hệ giữa ông bà và cháu, mà không còn là quan hệ nuôi con nuôi nữa. Do đó, về nguyên tắc, một người không thể nhận con đẻ của mình (ngoài giá thú) làm con nuôi, cũng như ông bà không thể nhận cháu ruột trực hệ của mình làm con nuôi.

Từ sự phân tích trên cho thấy, dưới góc độ sinh học, con nuôi là người được một người hoặc hai người là vợ chồng nhận làm con và coi như con đẻ nhưng giữa hai bên không có liên hệ với nhau về mặt sinh học, không có quan hệ huyết thống với nhau hoặc tuy có quan hệ huyết thống với nhau trong phạm

vi nhất định nhưng không phải là quan hệ huyết thống trực hệ và không sinh thành ra nhau mà do nhận con của người khác về nuôi dưỡng và xem như con đẻ. Đứa trẻ được người không sinh ra mình nhận nuôi dưỡng, chăm sóc chỉ được coi là con nuôi của người nuôi dưỡng, chăm sóc khi được pháp luật công nhận trên cơ sở mong muốn xác lập quan hệ cha mẹ và con của người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối với đứa trẻ đó. Vì vậy, không phải mọi trường hợp của việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em đều làm cho đứa trẻ được nhận nuôi dưỡng trở thành con nuôi của người nuôi dưỡng. Yếu tố mong muốn xác lập quan hệ cha mẹ và con giữa hai bên là điều kiện quan trọng nhất để đứa trẻ được nhận nuôi trở thành con nuôi. Việc xác lập mối quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi được thực hiện trên cơ sở tình cảm, mong muốn yêu thương, quan tâm của bên nhận nuôi và bên được nhận nuôi. Tuy nhiên, việc nhận và nuôi con nuôi chỉ được pháp luật công nhận khi việc nuôi con nuôi được đăng ký theo đúng pháp luật quy định.

Theo Khoản 3 Điều 3 Luật nuôi con nuôi 2010 quy định: “*Con nuôi* là người được nhận làm con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký”. Như vậy, với định nghĩa về con nuôi theo luật đã quy định thì: Con nuôi là con không do vợ, chồng trong một gia đình sinh ra, mà do nhận con của người khác về nuôi dưỡng và xem như con đẻ, về nguyên tắc không có quan hệ huyết thống và không mang gen di truyền của người nhận nuôi; Con nuôi có thể có huyết thống trong phạm vi nhất định với người nhận nuôi nhưng không do người nhận nuôi sinh ra (cô, dì, chú, bác ruột nhận cháu ruột làm con nuôi); Người được nhận nuôi chỉ được công nhận là con nuôi của người nhận nuôi khi người được nhận nuôi đáp ứng đủ các điều kiện của người được nhận nuôi theo quy định của pháp luật – Theo điều 35 Luật hôn nhân gia đình ngày 20/12/2986 thì người từ 16 tuổi trở xuống mới được nhận làm con nuôi. Con nuôi được hưởng mọi quyền lợi và có nghĩa vụ đối với cha mẹ nuôi như con đẻ.

1.1.2 Khái niệm nuôi con nuôi

Nuôi con nuôi là một hiện tượng khá phổ biến mang tính nhân văn nhân đạo sâu sắc giữa người với người. Việc nuôi con nuôi nhằm đáp ứng những nhu cầu khác nhau với mong muốn riêng của những người có nhu cầu được nhận và nuôi con nuôi. Bên cạnh ý nghĩa tạo mái ấm gia đình, mang tình yêu thương cho những đứa trẻ mồ côi, việc nhận và nuôi con nuôi còn là việc đáp ứng và tạo điều kiện cho những cặp vợ chồng vô sinh, hiếm muộn; những người phụ nữ đơn thân. Vì thế, ở nước ta hiện nay, để tạo điều kiện tốt nhất cho trẻ em, việc

nhận và nuôi con nuôi được khuyến khích và quan tâm từ Đảng và Nhà nước với. Vì vậy, dưới góc độ xã hội: nuôi con nuôi là việc xác lập quan hệ cha mẹ - con giữa người nhận nuôi và người được nhận nuôi không dựa trên quan hệ huyết thống được xuất phát từ tình người, được xác lập trên thực tế và mà không có sự công nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nuôi con nuôi là một quan hệ xã hội xuất hiện từ lâu trong lịch sử, được hình thành trên cơ sở cá nhân “tiếp nhận những liên hệ mới mang tính chất gia đình”. Do đó, nuôi con nuôi là một quan hệ xã hội tồn tại một cách khách quan nhằm thiết lập quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận nuôi và người được nhận nuôi trên thực tế. Việc nuôi con nuôi đã tồn tại từ lâu trong xã hội, mang tính nhân đạo sâu sắc khi đảm bảo cho người được nhận làm con nuôi được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với đạo đức xã hội. Như đã phân tích, theo góc độ xã hội: “*Nuôi con nuôi là khi một người được người khác nhận làm con nhưng không trực tiếp sinh ra, người nhận con nuôi gọi là cha nuôi, mẹ nuôi*”;

Theo góc độ pháp lý: “*Nuôi con nuôi là việc xác lập quan hệ cha, mẹ, con giữa những người nhận nuôi con nuôi và người được nhận làm con nuôi*” (Khoản 1 Điều 3 Luật NCN 2010)[9]. Như vậy, việc nuôi con nuôi có thể được xem xét dưới hai góc độ: nuôi con nuôi là một sự kiện pháp lý và nuôi con nuôi là một quan hệ pháp luật. Nuôi con nuôi là một sự kiện pháp lý, làm phát sinh quan hệ pháp luật cha mẹ - con giữa người nhận nuôi và người được nhận nuôi, khi giữa họ không có quan hệ huyết thống trực hệ mà được xác lập trên cơ sở quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo ý chí, nguyện vọng của các đương sự và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về các điều kiện xác lập quan hệ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi. Sự kiện pháp lý nuôi con nuôi được cấu thành bởi ba yếu tố:

Một là, các chủ thể có liên quan đáp ứng các điều kiện của việc nuôi con nuôi;

Hai là, sự thể hiện ý chí của các chủ thể có liên quan;

Ba là, sự thể hiện ý chí của Nhà nước.

Nuôi con nuôi là một quan hệ pháp luật, quan hệ nuôi con nuôi là những quan hệ phát sinh trong lĩnh vực nuôi con nuôi được các quy phạm pháp luật điều chỉnh. Là quan hệ pháp luật, nuôi con nuôi có đầy đủ các yếu tố: chủ thể, khách thể, mặt khách quan và sự kiện pháp lý (nội dung): Chủ thể trong quan hệ pháp luật nuôi con nuôi bao gồm: cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi và người con nuôi; Khách thể của quan hệ nuôi con nuôi là những lợi ích mà các bên chủ thể hướng

tới; Nội dung quan hệ pháp luật nuôi con nuôi là những quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể do pháp luật quy định khi tham gia vào quan hệ nuôi con nuôi, bao gồm các quyền và nghĩa vụ nhân thân, quyền và nghĩa vụ tài sản giữa các chủ thể.

Từ những khái niệm trên, có thể giải thích việc nuôi con nuôi là việc xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững giữa cha nuôi, mẹ nuôi và con nuôi thông qua việc đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi các bên có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, vì lợi ích tốt nhất của người được nhận làm con nuôi, bảo đảm trẻ em được yêu thương, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong môi trường gia đình thay thế. Việc xác lập quan hệ cha mẹ con căn cứ vào sự kiện nuôi dưỡng này sẽ làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi và việc nuôi con nuôi chỉ có giá trị pháp lý khi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trong nước.

Ngoài ra theo Khoản 2 và Khoản 3 Điều 3 Luật NCN 2010: “*Cha mẹ nuôi là người nhận nuôi sau khi việc nuôi con nuôi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký*”, “*Con nuôi là người được nhận làm con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi được cơ quan có thẩm quyền đăng ký.*” Đây là hai chủ thể quan trọng nhất của quan hệ nuôi con nuôi. Người nhận con nuôi, có thể là một cặp vợ chồng có quan hệ hôn nhân hợp pháp, cũng có thể là người độc thân (nam hoặc nữ) có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật, có quốc tịch Việt Nam hoặc không có quốc tịch Việt Nam.

Theo Khoản 4 Điều 3 Luật NCN 2010: “*Nuôi con nuôi trong nước là việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau thường trú ở Việt Nam*”. Việc nuôi con nuôi trong nước chỉ được thực hiện giữa công dân có quốc tịch Việt Nam và thường trú tại Việt Nam nhận trẻ em thường trú trong nước hoặc có quốc tịch Việt Nam được coi là việc nuôi con nuôi trong nước.

1.1.3 Đặc điểm của quan hệ nuôi con nuôi

Đặc điểm của quan hệ nuôi con nuôi được xét trên các phương diện cụ thể: chủ thể, khách thể, nội dung và sự kiện pháp lý.

Về chủ thể: Quan hệ nuôi con nuôi là quan hệ ràng buộc một người vào một hoặc hai người khác (có quan hệ hôn nhân hợp pháp). Người nhận nuôi không phân biệt nam, nữ, đã có gia đình hay chưa có gia đình miễn là có nguyện vọng nuôi con nuôi và phải đáp ứng đầy đủ điều kiện theo Điều 14 Luật nuôi con nuôi:

“Người nhận con nuôi phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên; có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con nuôi; có tư cách đạo đức tốt.

Trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì không phải chứng minh hơn con nuôi 20 tuổi trở lên và không cần chứng minh điều kiện bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con nuôi.

Những người không được nhận con nuôi: Người đang bị hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh; đang chấp hành hình phạt tù; chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.”

Người được nhận nuôi là trẻ em dưới 16 tuổi, hoặc người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc một trong các trường hợp sau: Được cha dượng, mẹ kế nhận làm con nuôi; Được cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi theo Điều 8 Luật con nuôi 2010.

Về khách thể: Việc nuôi con nuôi xác lập quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận nuôi và người được nhận nuôi, quan hệ cha mẹ và con giữa hai bên là hình thành một gia đình thật sự, hướng tới việc chăm sóc, nuôi dưỡng nhau, thiết lập và gắn bó với nhau trong tình cảm cha mẹ và con như trong gia đình ruột thịt. Việc nuôi con nuôi thể hiện tính nhân đạo, nhân văn sâu sắc, tinh thần tương thân, tương ái giúp đỡ lẫn nhau giữa con người với con người. Là truyền thống tốt đẹp của dân tộc giúp đỡ trẻ em không nơi nương tựa có mái ấm gia đình được chăm sóc và phát triển trong điều kiện tốt nhất.

Về nội dung: Người nhận nuôi con và người được nuôi đã cùng chung sống với nhau trong một mái nhà, gắn bó, cư xử với nhau trong tình cảm cha mẹ và con, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ và con với nhau. Quan hệ giữa cha mẹ và con phải được pháp luật thừa nhận, họ hàng, những người xung quanh thừa nhận.

Về sự kiện pháp lý: Việc nhận nuôi con nuôi phải được thực hiện bằng văn bản, có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quan hệ cha mẹ nuôi - con nuôi được công nhận và có giá trị pháp lý kể từ thời điểm phát sinh quan hệ

nuôi con nuôi. Và bên cạnh đó, việc nuôi con nuôi là đúng mục đích không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Xuất phát từ đặc điểm của quan hệ nuôi con nuôi nên các quy định của pháp luật điều chỉnh việc nuôi con nuôi phải phù hợp với bản chất khách quan mỗi quan hệ này.

1.2 Mục đích, ý nghĩa của việc nuôi con nuôi

1.2.1. Mục đích của việc nuôi con nuôi

Mục đích của việc nuôi con nuôi là nhằm xác lập quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận nuôi con nuôi và người được nhận làm con nuôi, bảo đảm cho người được nhận làm con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với đạo đức xã hội. Việc nuôi con nuôi trước hết nhằm mục đích xác lập quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận nuôi và người được nhận nuôi, qua đó bảo vệ được lợi ích chính đáng của cả hai bên. Mục đích xác định quan hệ cha mẹ và con giữa hai bên là hình thành một gia đình thật sự, hướng tới việc chăm sóc, nuôi dưỡng nhau, thiết lập và gắn bó với nhau trong tình cảm cha mẹ và con như trong gia đình ruột thịt. Tuy nhiên, vì đối tượng được nhận chủ yếu là trẻ em, do đó pháp luật cần bảo vệ lợi ích của trẻ em được nhận làm con nuôi. Bởi vì trẻ em là những người còn non nớt về thể chất và tinh thần, chưa có khả năng tự bảo vệ mình, nên cần có sự chăm sóc, bảo vệ của người lớn, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý.

Hiện nay, mục đích của việc nuôi con nuôi đã có nhiều thay đổi so với trước đây. Xuất phát từ lợi ích của trẻ em được nhận làm con nuôi, việc nuôi con nuôi được pháp luật quy định là việc xác lập quan hệ cha, mẹ, con lâu dài, bền vững nhằm mục đích bảo đảm cho con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình. Tất cả chế định pháp luật về nuôi con nuôi được đưa ra đều nhằm mục đích cơ bản và cao nhất là để bảo vệ trẻ em, bảo vệ quyền và lợi ích tốt nhất của người được nhận làm con nuôi.

1.2.2 Ý nghĩa của việc nuôi con nuôi

Về mặt xã hội, nuôi con nuôi thể hiện tính nhân đạo, nhân văn sâu sắc, tinh thần tương thân, tương ái giúp đỡ lẫn nhau giữa con người với con người. Là biện pháp tích cực giúp đỡ trẻ em không nơi nương tựa có mái ấm gia đình, được chăm sóc và phát triển trong điều kiện tốt nhất. Việc nhận nuôi con nuôi phản ánh phong tục, tập quán, những giá trị nhân văn của truyền thống tốt đẹp của dân tộc. “Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai” là câu nói bao hàm đầy đủ ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của trẻ em. Do trẻ em còn nhỏ, chưa phát triển

toàn diện về thể chất và trí tuệ nên cần phải được bảo vệ, nuôi nấng, cần được trưởng thành trong môi trường gia đình, trong bầu không khí hạnh phúc, yêu thương và thông cảm để phát triển đầy đủ và hài hoà nhân cách của mình. Vì một nguyên nhân nào đó mà trẻ em không có cha mẹ thì đều có quyền có một gia đình và được nhận làm con nuôi dưới hình thức hợp pháp nhằm đảm bảo cho trẻ em đó được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đầy đủ. Một trong những mục đích của Công ước La Hay là “Hình thành những đảm bảo để vấn đề con nuôi nước ngoài được tiến hành vì lợi ích tốt nhất của trẻ em được công nhận trong luật pháp quốc tế”.

Về mặt pháp lý, nhận nuôi con nuôi và được nhận nuôi con nuôi là một quyền tự do nhân thân của các cá nhân được pháp luật công nhận và bảo hộ. Nuôi con nuôi không chỉ là biện pháp tốt nhất, phù hợp và có lợi ích với trẻ em mà còn là cách thực hiện hợp pháp quyền làm cha mẹ của cá nhân. Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng là một trong những quyền cơ bản của trẻ em đã được pháp luật Việt Nam quy định trong nhiều văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao. Hiến pháp năm 2013 quy định: “trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em” (Khoản 1 Điều 37). BLDS năm 2015 thừa nhận quyền nhân thân trong HN&GD, Khoản 1 Điều 39 của BLDS năm 2015 quy định: “Cá nhân có quyền kết hôn, ly hôn, quyền bình đẳng của vợ chồng, quyền xác định cha, mẹ, con, quyền được nhận làm con nuôi, quyền nuôi con nuôi và các quyền nhân thân khác trong quan hệ hôn nhân, quan hệ cha mẹ và con và quan hệ giữa các thành viên gia đình”. Điều 15 của Luật Trẻ em năm 2016 quy định: “Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện”. Nhằm bảo đảm trẻ em có quyền có gia đình, có cha, có mẹ, được yêu thương chăm sóc, được sống trong tình cảm của cha, tình yêu của mẹ, được lớn lên trong bầu không khí gia đình, được trưởng thành dưới sự giáo dục, định hướng của cha, mẹ; đồng thời, bảo đảm quyền được làm cha, làm mẹ của một số người không may mắn trong cuộc sống (như người bị vô sinh, hiếm muộn, phụ nữ đơn thân hoặc người đã có con nhưng con bị bệnh hiểm nghèo, con bị chết và người đó không còn khả năng sinh con...), pháp luật Việt Nam đã công nhận quyền nuôi con nuôi và quyền được làm con nuôi là một trong những quyền con người, quyền công dân được pháp luật tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ theo Hiến pháp và pháp luật. Đối với Nhà nước, việc nhận nuôi con nuôi làm giảm gánh

nặng về tài chính, kinh tế của Nhà nước trong việc chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trước tình trạng trẻ em không nơi nương tựa, không nguồn nuôi dưỡng phải lang thang tự đi kiếm sống, hạn chế khả năng trẻ em lao vào con đường xấu dẫn đến những hành vi vi phạm pháp luật hay mắc các tệ nạn xã hội do thiếu sự quan tâm, giáo dục.

1.3 Pháp luật một số quốc gia trên thế giới về nuôi con nuôi

Có thể nói, trẻ em được xem là những mầm non tương lai của đất nước bởi vậy Công ước La Hay ra đời là một minh chứng điển hình, cơ sở pháp lý cao nhất bảo vệ cho quyền của trẻ em trong quan hệ nhận và nuôi con nuôi. Công ước La Hay (La Haye) được ký kết năm 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế. Trong đó, các quốc gia ký Công ước này cần: “Công nhận rằng để phát triển hài hoà và toàn diện nhân cách của mình, trẻ em cần phải được lớn lên trong môi trường gia đình, trong bầu không khí hạnh phúc, yêu thương và cảm thông; Nhắc lại rằng mỗi quốc gia cần phải ưu tiên tiến hành các biện pháp thích hợp để trẻ em có thể được chăm sóc trong gia đình gốc của mình; Công nhận rằng vấn đề con nuôi quốc tế có thể có lợi thế là đem lại một gia đình lâu dài cho những trẻ em không tìm được một gia đình thích hợp tại Nước gốc của mình; Tin tưởng vào sự cần thiết phải áp dụng những biện pháp nhằm bảo đảm để thực hiện việc nuôi con nuôi quốc tế vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, tôn trọng các quyền cơ bản của trẻ em và để ngăn chặn việc bắt cóc, bán hoặc buôn bán trẻ em.” Mong muốn thiết lập các quy định chung vì mục đích đó, có tính đến các nguyên tắc được công nhận trong các văn kiện pháp lý quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em ngày 20/11/1989 và Tuyên bố của Liên hợp quốc về các nguyên tắc xã hội và pháp lý liên quan đến việc bảo vệ và phúc lợi trẻ em, Chỉ dẫn đặc biệt về việc bảo trợ, nuôi con nuôi trong nước và nước ngoài (Nghị quyết của Đại Hội đồng số 41/86 ngày 3/12/1986) mà công ước được sự hưởng ứng của nhiều quốc gia.

Theo pháp luật Cộng hoà Pháp, bằng các văn bản pháp luật trong nước như: Bộ luật dân sự; Bộ luật về Hoạt động xã hội và Gia đình; Luật số 2005-744 ngày 4/7/2005 về cải cách lĩnh vực nuôi con nuôi; Nghị định số 2005-98 ngày 1/8/2005 về việc chấp thuận cho trẻ được nhà nước giám hộ hay trẻ em nước ngoài là con nuôi và sửa đổi bộ luật hoạt động xã hội và gia đình; Nghị định số 2006-1272 ngày 17/10/2006 về biểu mẫu quyết định và phiếu chấp thuận cho phép nhận trẻ được nhà nước giám hộ và trẻ em nước ngoài làm con nuôi; Các điều từ R225-12 đến R225-46 Bộ luật Hoạt động xã hội và Gia đình về các tổ

chức được phép hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi (OAA); Nghị định số 2009-291 và thông tư ngày 16/3/2009 về cơ cấu tổ chức các cơ quan hành chính trung ương Bộ ngoại giao và Châu Âu; Nghị định số 2009-407 ngày 14/4/2009 về Cơ quan trung ương Nuôi con nuôi quốc tế việc nuôi con nuôi tại Pháp là cơ sở để đảm bảo tốt nhất, tạo điều kiện để trẻ em được nhận làm con nuôi phát triển và lớn lên trong môi trường hạnh phúc và yêu thương. Hơn nữa, Cơ quan Trung ương quản lý vấn đề nuôi con nuôi quốc tế theo Công ước La Hay là Bộ phận Nuôi con nuôi quốc tế, trực thuộc Bộ Ngoại giao và Châu Âu. Bộ phận nuôi con nuôi quốc tế (SAI) có nhiệm vụ: SAI giám sát việc tuân thủ các cam kết của Pháp trong khuôn khổ công ước La Hay năm 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nuôi con nuôi (CLH): Bộ phận Nuôi con nuôi quốc tế duy trì các mối quan hệ cấp nhà nước hoặc giữa các cơ quan trung ương, với các nước gốc của trẻ em cũng như các cơ quan chức trách của các nước tiếp nhận trẻ khác và tham gia đàm phán các hiệp định song phương và các công cụ đa phương trong lĩnh vực nuôi con nuôi; SAI soạn thảo chiến lược nuôi con nuôi quốc tế: Bộ phận Nuôi con nuôi quốc tế thực hiện kế hoạch với các nước, với sự phối hợp của các tác nhân Pháp hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế : Cơ quan Nuôi con nuôi Pháp (AFA), các Tổ chức nuôi con nuôi (OAA), các hiệp hội cha mẹ nuôi và con nuôi. Bộ phận Nuôi con nuôi quốc tế cùng với các Đại sứ quán tiến hành các dự án hợp tác vì lợi ích của trẻ em không có gia đình; SAI giám sát chế tài các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi: Bộ phận Nuôi con nuôi quốc tế là cơ quan chủ quản đối với Cơ quan Nuôi con nuôi Pháp. Bộ phận Nuôi con nuôi quốc tế cấp phép và kiểm tra các tổ chức nuôi con nuôi tư nhân, hỗ trợ kinh phí các tổ chức này khi cần thiết; SAI có chức năng thẩm định và theo dõi các vấn đề pháp lý: Bộ phận Nuôi con nuôi quốc tế cho phép các cơ quan lãnh sự cấp thị thực cư trú dài hạn cho con nuôi. Bộ phận Nuôi con nuôi quốc tế thu thập và cập nhật thông tin về các quy trình xin nhận con nuôi, các điều kiện cho nhận con nuôi ở nước ngoài cũng như những khó khăn mà các công dân Pháp gặp phải; SAI thực hiện một chính sách truyền thông thực sự: Bộ phận Nuôi con nuôi quốc tế quản lý chuyên mục nuôi con nuôi quốc tế trên trang web của Bộ Ngoại giao và Châu Âu và cổng thông tin điện tử của chính phủ về nuôi con nuôi.

Hợp chúng quốc Hoa Kỳ cũng là một nước quan tâm tới trẻ em đặc biệt là những trẻ em được nhận là con nuôi. Pháp luật của nước này liên quan đến việc định cư tại đây theo diện nuôi con nuôi được quy định trong Luật di trú. Trong

luật di trú thì việc bảo lãnh theo diện thân nhân được coi là đơn giản nhất và là một diện bảo lãnh định cư Mỹ được nhiều người biết đến nhất, nhưng lại có rất nhiều người không biết rằng con nuôi cũng là một diện quan trọng trong các diện bảo lãnh thân nhân. Trong bộ luật di trú, chỉ có chữ CHILD (tức là CON) là được định nghĩa. Những chữ như Anh, Chị, Em, Cha và Mẹ không được định nghĩa trong bộ luật di trú vì những chữ đó tùy thuộc vào chữ CON. Cho nên định nghĩa chữ CON rất là quan trọng trong luật di trú và con nuôi và con nuôi mồ côi là một phần quan trọng trong định nghĩa chữ CON. Để được bảo lãnh định cư Mỹ theo diện con nuôi thì người con nuôi đó phải rơi vào định nghĩa của chữ CON. Để được xác định là CON thì người con nuôi phải hội đủ 3 điều kiện sau: Thứ nhất, Người con nuôi phải được nhận làm con nuôi trước khi bước sang 16 tuổi và sự nhận nuôi phải hợp pháp dưới luật pháp của nơi con nuôi được nhận; Thứ hai, Người con nuôi phải ở chung nhà với Cha hoặc Mẹ nuôi đủ 2 năm và ở chung nhà có thể xảy ra trước khi hoặc sau khi được nhận làm con nuôi; Thứ ba, Người con nuôi phải dưới quyền giám hộ của Cha hoặc Mẹ nuôi đủ 2 năm. Khi một người được xác định là con nuôi thì dưới luật di trú người con nuôi đó sẽ được hưởng quyền lợi di trú như của người con ruột. Con nuôi có thể được áp dụng vào những trường hợp như là Cha hoặc Mẹ nuôi bảo lãnh cho con nuôi, Anh Chị Em nuôi có thể bảo lãnh cho nhau, và Cha hoặc Mẹ nuôi là người được bảo lãnh đi Mỹ thì người con nuôi được chung một hồ sơ của Cha hoặc Mẹ nuôi như trong những diện bảo lãnh thân nhân theo diện ưu tiên đó. Cha hoặc Mẹ nuôi, có thể là một người độc thân, cũng có thể là Ông Bà Nội hoặc Ông Bà Ngoại, và cũng có thể là Anh Chị Cô Chú Bác hoặc một người lạ. Khi một công dân Hoa Kỳ muốn nhận một người con nuôi ở ngoài nước Hoa Kỳ, điều kiện thứ nhì là điều kiện rất khó để được hội đủ vì sự đòi hỏi người con nuôi phải ở chung ít nhất 2 năm với Cha Mẹ nuôi. Do đó, đa số Cha hoặc Mẹ nuôi không thể nào bỏ việc làm hoặc đời sống của họ ở Hoa Kỳ để sống chung với người con nuôi ở nước ngoài 2 năm. Tuy rằng rất là khó khăn để cho Cha hoặc Mẹ nuôi hội đủ điều kiện này, nhưng tùy theo trường hợp uyển chuyển, sẽ có cách giải quyết miễn là đáp ứng được đòi hỏi của luật di trú. Bằng những quy định của pháp luật một cách cụ thể và rõ ràng việc nhận và nuôi con nuôi tại Mỹ đã góp phần quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của trẻ em. Bên cạnh đó, Hiệp định “Hợp tác nuôi con nuôi giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hợp chúng quốc Hoa kỳ” đã được ký kết ngày 04/08/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/9/2005. Mục đích của Hiệp định này là để tăng cường hợp tác song

phương trong lĩnh vực nuôi con nuôi đối với trẻ em giữa hai nước. Hiệp định này được các bên công nhận là cơ sở để hình thành sự hiểu biết chung trong lĩnh vực con nuôi quốc tế giữa các bên. Hiệp định có những quy định cụ thể về thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi một cách đầy đủ, cụ thể và rõ ràng. Đặc biệt là Nghĩa vụ hợp tác cũng được nêu rất rõ trong hiệp định với mong muốn bảo vệ trẻ em theo Điều 20 Hiệp định này: “1. Các Bên cam kết thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm sự phát triển của trẻ em được nhận làm con nuôi; 2. Trẻ em là công dân của Bên này được nhận làm con nuôi và được phép thường trú trên lãnh thổ của Bên kia, được hưởng các bảo đảm và các quyền cơ bản như trẻ em là công dân của Bên kia; 3. Khi các cơ quan có thẩm quyền về con nuôi của Nước nhận xác định rằng, việc giữ trẻ em trong gia đình cha mẹ nuôi không còn bảo đảm lợi ích tốt nhất cho trẻ em đó, thì các cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện những biện pháp thích hợp để bảo vệ trẻ em đó và tìm một nơi ở thích hợp khác cho trẻ em đó.”

Tại Canada, việc nhận con nuôi quốc tế là một quá trình công nhận một cá nhân hoặc cặp vợ chồng (là thường trú nhân Canada hoặc có quốc tịch Canada) là cha mẹ hợp pháp và vĩnh viễn của một đứa trẻ từ một quốc gia khác. Việc nhận con nuôi quốc tế tuân thủ luật pháp của cả nước cho và nước nhận. Đối với tất cả các trường hợp nhận con nuôi quốc tế, người nhận con nuôi phải hoàn thành hai thủ tục riêng biệt: Thủ tục nhận con nuôi và Thủ tục xin nhập cư (thường trú nhân) hoặc xin quốc tịch Canada cho con nuôi (tùy trường hợp sẽ thực hiện thủ tục khác nhau). Để nhận con nuôi quốc tế, bạn phải làm việc với Cơ quan Trung ương cấp tỉnh hoặc vùng lãnh thổ tại Canada nơi bạn ở. Chính phủ liên bang chỉ tham gia vào quá trình Nhập cư hoặc Quốc tịch cho một đứa trẻ được nhận làm con nuôi. Quá trình nhận con nuôi do các tỉnh hoặc vùng lãnh thổ chịu trách nhiệm. Cơ quan Trung ương cấp tỉnh hoặc vùng lãnh thổ sẽ: Cho bạn biết nếu bạn cần liên hệ với cơ quan nhận con nuôi được cấp phép; Tư vấn về luật nhận con nuôi của quốc gia nơi bạn muốn nhận con nuôi; Giải thích yêu cầu của Công ước Hague về Con nuôi Quốc tế. Về cơ bản, để được nhận con nuôi và bảo lãnh sang Canada, cha mẹ nuôi cần chứng minh hoàn cảnh gia đình đầy đủ điều kiện, có căn bản về đời sống và đạo lý để nuôi con, có tư cách tốt để dạy dỗ con nên người. Sở Di Trú Canada sẽ phái nhân viên xã hội đến tìm hiểu, xem xét và gửi lại bản ghi nghiên cứu và đối tượng. Cha mẹ nuôi cũng cần chứng minh về năng lực tài chính, có đủ khả năng nuôi con, cha mẹ không bị tiền án, tiền sự từ trước đó. Những quá trình điều tra này có kết quả tốt, cha mẹ

tương lai mới được Sở Di Trú chấp thuận hồ sơ bảo lãnh con nuôi mồ côi và đưa sang Canada sinh sống cùng.

Và hơn thế, hiện nay số lượng các nước ký kết Hiệp định cùng Việt Nam trong việc nhận và nuôi con nuôi ngày một tăng. 14 quốc gia đã cùng Việt Nam ký kết bao gồm: Cộng hòa Ai - len, Vương quốc Bỉ, Ca - na - da, Vương quốc Đan Mạch, Cộng hòa liên bang Đức, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Cộng hòa Italia, Đại công quốc Lúc - xăm - bua, Cộng hòa Man - ta, Vương quốc Na - uy, Cộng hòa Pháp, Vương quốc Tây Ban Nha, Vương quốc Thụy Điển, Liên bang Thụy Sĩ. Qua đó, nhận thấy rõ sự quan tâm đặc biệt của các quốc gia trên thế giới trong vấn đề trẻ em được nhận nuôi và làm con nuôi không chỉ ở phạm vi trong nước mà còn ở phạm vi quốc tế.

CHƯƠNG 2: PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ NUÔI CON NUÔI

2.1 Khái quát quá trình phát triển của pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi

2.1.1 Thời kỳ phong kiến

Ngoài mục đích nhân đạo là mang lại mái ấm gia đình cho trẻ em, nuôi con nuôi cũng xuất phát từ nhu cầu của người nhận con nuôi là do sự từ tâm (làm điều thiện) hay do sự mưu cầu cá nhân (để nương tựa khi về già hoặc thậm chí để có người thờ phụng ông bà, tổ tiên); vì thế, những quy định pháp luật về nuôi con nuôi ở nước ta có từ thời phong kiến, được quy định trong Quốc triều Hình luật (Bộ luật Hồng Đức) năm 1483 triều nhà Lê và Hoàng Việt Luật lệ (Bộ luật Gia Long) năm 1811 Triều nhà Nguyễn. Trong hai bộ luật này đã quy định về vấn đề nuôi con nuôi, theo đó con nuôi được gọi là nghĩa tử, cha mẹ nuôi được gọi là nghĩa phụ và nghĩa mẫu; cha mẹ nuôi phải đối xử với con nuôi như con đẻ và ngược lại con nuôi có nghĩa vụ phụng dưỡng, báo hiếu cha mẹ nuôi như cha mẹ đẻ. Cha mẹ nuôi có toàn quyền nuôi dưỡng, dạy dỗ, đại diện cho con nuôi và quyết định nơi ở cũng như tác thành hôn nhân của con nuôi. Con nuôi phải phụng dưỡng cha mẹ nuôi, không được kiện cáo cha mẹ nuôi, không được tự ý bỏ đi khi cha mẹ nuôi già yếu để thể hiện lòng biết ơn công nuôi dưỡng, khi cha mẹ nuôi chết phải để tang (cư tang) 03 năm... Trong Hoàng Việt Luật lệ đã có sự phân biệt giữa việc nghĩa dưỡng và việc lập tự, tức là nghĩa dưỡng chỉ việc nuôi con nuôi thông thường, có thể nhận bất kỳ đứa trẻ nào làm con nuôi; còn lập tự là kén chọn người nối dõi tông đường, thờ phụng tổ tiên (do cha mẹ nuôi không có con trai), do đó, con nuôi bắt buộc phải là con trai và phải là người đồng tông (trong họ) để không gây rối loạn trong việc thờ cúng tổ tiên.

Như vậy, tuy còn ít và tản mạn nhưng pháp luật phong kiến Việt Nam đã có những quy định điều chỉnh một số nội dung cơ bản về nuôi con nuôi, tạo điều kiện để thực hiện việc nuôi con nuôi trong thực tế và góp phần nhất định bảo vệ quyền lợi của người con nuôi, đặc biệt là xác lập mối quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận nuôi và người được nhận nuôi.

2.1.2 Thời kỳ Pháp thuộc

Thời kỳ Pháp thuộc, pháp luật nuôi con nuôi được điều chỉnh trong ba bộ luật: Bộ Dân luật Giản yếu áp dụng ở Nam Kỳ, Bộ luật Dân sự Bắc Kỳ áp dụng ở Bắc Kỳ và Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật được áp dụng ở các tỉnh miền Trung. Tuy nhiên, ảnh hưởng của Bộ Dân luật Giản yếu rất hạn chế vì không phù hợp với phong tục tập quán Việt Nam, không phản ánh đúng thực trạng xã hội Việt

Nam lúc bảy giờ. Bộ luật Dân sự Bắc Kỳ và Hoàng Việt Trung Kỳ bộ luật về cơ bản không có gì khác nhau.

Các bộ luật này quy định về chế định nuôi con nuôi như sau:

Về điều kiện nhận nuôi con nuôi: Cả ba bộ luật đều quy định điều kiện đối với người nhận nuôi và người được nhận nuôi trong trường hợp nuôi con nuôi thông thường hay nuôi con nuôi lập tự. Con nuôi phải là vị thành niên. Con nuôi thông thường có thể là con trai hoặc con gái, nhưng con nuôi lập tự phải là con trai và cùng họ với người đứng nuôi. Các bộ luật đều quy định tuổi của người nhận nuôi. Bộ Dân luật giản yếu không cho phép người độc thân được nuôi con lập tự.

Về thủ tục nhận nuôi con nuôi: Cả ba bộ luật đều quy định việc nuôi con nuôi phải được lập thành văn tự trước mặt hộ lại với sự ưng thuận của những người có liên quan. Dân luật Giản yếu đòi hỏi văn tự phải được Tòa án phê chuẩn mới có hiệu lực. Khế ước về việc nuôi con nuôi bị vô hiệu hóa khi chứa đựng những yếu tố giả dối, như làm khế ước nuôi con nuôi nhằm bán con (Điều 203 Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật). Những khế ước có việc bán con, cầm cố con hoặc gán nợ con đều vô hiệu (Điều 208 Dân luật Bắc kỳ).

Về hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi: Việc nuôi con nuôi có hiệu lực làm phát sinh quan hệ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi như giữa cha mẹ đẻ và con đẻ. “Người đứng nuôi phải trông nom, cấp dưỡng cho con nuôi. Con nuôi đã thuộc về nhà mình thì phải đối đãi như con đẻ” (Điều 193 Dân luật Bắc kỳ, Điều 192 Dân luật Trung kỳ). Con nuôi có nghĩa vụ và phận sự đối với cha mẹ nuôi như con đẻ, nhưng không bắt buộc phải phụng tự cha mẹ nuôi, cùng tổ tiên cha mẹ nuôi, trừ con lập tự (Điều 192 Dân luật Bắc kỳ, Điều 191 Dân luật Trung kỳ). Con nuôi không được lập tự thì không có quyền lợi gì về tài sản thừa kế của cha mẹ nuôi. Cha mẹ nuôi có thể làm chúc thư cho con nuôi một phần tài sản của mình. Nếu không có chúc thư, thì khi phân chia di sản, hội đồng gia tộc có thể chia cho con nuôi một phần gia sản nhưng không quá một nửa của con chính (Điều 196 Dân luật Bắc kỳ, Điều 195 Dân luật Trung Kỳ). Người con nuôi được lập làm thừa tự mà sau đó cha mẹ nuôi sinh được con trai thì người con nuôi đó không đứng thừa tự nữa nhưng vẫn được chia một phần gia sản của cha mẹ nuôi như con đẻ (Điều 199 Dân luật Bắc kỳ, Điều 198 Dân luật Trung Kỳ). Đối với cha mẹ đẻ, người con nuôi vẫn có nghĩa vụ như không đi làm con nuôi, nhưng trước hết phải phụng dưỡng cha mẹ nuôi (Điều 197 Dân luật Bắc kỳ, Điều 198 Dân luật Trung Kỳ). Con nuôi vẫn được giữ nguyên quyền thừa kế gia sản của cha

mẹ đẻ (Điều 198 Dân luật Bắc kỳ, Điều 197 Dân luật Trung Kỳ). Hai bộ luật này cũng quy định về việc chấm dứt nuôi con nuôi do lỗi của con nuôi hoặc lỗi của cha mẹ nuôi.

Có thể nói, những quy định của các bộ luật này về nuôi con nuôi có tính hệ thống, rõ ràng hơn và cũng đầy đủ hơn, đồng thời cũng có sự phù hợp nhất định với đời sống xã hội lúc bấy giờ.

2.1.3 Giai đoạn trước khi ban hành Luật Nuôi con nuôi năm 2010

Trước khi Luật Nuôi con nuôi được ban hành, pháp luật về nuôi con nuôi của Việt Nam mặc dù được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, song về cơ bản chế định pháp luật về nuôi con nuôi đã tương đối đầy đủ; từ Hiến pháp đến Bộ luật, Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Thông tư... đã quy định nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục cho nhận con nuôi, đồng thời Việt Nam đã ký kết các Hiệp định hợp tác song phương về nuôi con nuôi với một số quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới.

** Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi đến Luật HN&GD năm 1959*

Năm 1945, Cách mạng Tháng 8 thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được thành lập, chính quyền nhà nước bắt tay vào xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, vì nhân dân “tất cả quyền bính trong nước là của toàn dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo” (Điều 1 Hiến pháp năm 1946). Trẻ em được ưu tiên quan tâm chăm sóc, “trẻ con được săn sóc về mặt giáo dỡng”. Ngay sau khi giành được độc lập, nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thực hiện chế độ công sản, xóa bỏ tư hữu, giai đoạn này còn gọi là “thời kỳ bao cấp” nên trẻ em được “hưởng đầy đủ các tiêu chuẩn lương thực, thực phẩm, vải mặc đã được Nhà nước quy định cho từng lứa tuổi. Bộ Lương thực, Bộ Công nghiệp thực phẩm và Bộ Nội thương có trách nhiệm bảo đảm những tiêu chuẩn đó cho các em. Trong trường hợp có khó khăn, trẻ em là đối tượng được ưu tiên phân phối lương thực, thực phẩm và vải mặc” (Điều 1 Nghị định số 293-CP ngày 04/7/1981 của Hội đồng Chính phủ về việc thi hành Pháp lệnh ngày 14/11/1979 về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em).

Thời kỳ này, những quy định về bảo vệ trẻ em và nuôi con nuôi lần đầu tiên được quy định tại Nghị định số 764/TTg ngày 08/5/1956 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bản Điều lệ đăng ký hộ tịch và Thông tư số 6/NV-DC-TT ngày 25/5/1956 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Điều lệ đăng ký hộ tịch mới. Pháp luật chỉ quy định thủ tục đăng ký, công nhận và hủy bỏ việc nuôi con nuôi. Cơ quan có thẩm quyền công nhận việc nuôi con nuôi là UBND cơ sở, nơi trú quán

của người nhận nuôi hoặc đứa trẻ. Các vấn đề về mục đích, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của việc nuôi con nuôi chưa được quy định cụ thể.

* Giai đoạn từ năm 1959 đến trước khi ban hành Luật Nuôi con nuôi

Từ năm 1959-1986: Kế thừa Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959 tiếp tục quy định “Nhà nước bảo hộ quyền lợi của người mẹ và của trẻ em, bảo đảm phát triển các nhà đỡ đẻ, nhà giữ trẻ và vườn trẻ” (Điều 24). Thực hiện Điều 24 Hiến pháp năm 1959, ngày 29/12/1959 Quốc hội đã thông qua Luật HN&GD năm 1959 quy định về chế độ nuôi con nuôi, theo đó việc nhận nuôi con nuôi phải được Ủy ban hành chính cơ sở nơi trú quán của người nuôi hoặc của đứa trẻ công nhận và ghi vào sổ hộ tịch (Điều 24). TAND có thể huỷ bỏ việc công nhận ấy, khi bản thân người con nuôi hoặc bất cứ người nào, tổ chức nào yêu cầu, vì lợi ích của người con nuôi. Con nuôi có quyền lợi và nghĩa vụ như con đẻ. Thủ tục công nhận việc nuôi con nuôi được quy định trong Nghị định số 04/CP ngày 16/01/1961 và Thông tư số 05/NV ngày 21/01/1961 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Điều lệ đăng ký hộ tịch mới. Mặc dù quy định còn khá sơ sài, nhưng điều luật đã thể hiện tư tưởng cơ bản nhất đó là việc nuôi con nuôi phải “vì lợi ích của người con nuôi”.

Từ năm 1986 – 2000: Trên tinh thần kế thừa Luật HN&GD năm 1959 và Pháp lệnh ngày 14/11/1979 về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, đồng thời cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã chấm dứt nhưng vẫn còn để lại hậu quả là nhiều trẻ em bị mồ côi cha mẹ. Luật HN&GD năm 1986 đã phát triển Điều 24 Luật HN&GD năm 1959 thành một chương gồm 6 điều (Chương VI từ Điều 34 đến Điều 39) quy định về nuôi con nuôi, gồm: mục đích, điều kiện, đăng ký việc nuôi con nuôi, hệ quả pháp lý và chấm dứt việc nuôi con nuôi. Các quy định này tuy chưa được đầy đủ, nhưng đã thể hiện một cách hệ thống, rành mạch, rõ ràng về những vấn đề cần điều chỉnh trong quan hệ nuôi con nuôi. Nuôi con nuôi được xây dựng là một chế định độc lập trong Luật HN&GD năm 1986.

Đến ngày 10/10/1998, Chính phủ ban hành Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 về đăng ký hộ tịch quy định trình tự, thủ tục đăng ký nhận nuôi con nuôi. Liên quan đến vấn đề nuôi con nuôi, Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và BLDS đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 28/10/1995 có hiệu lực từ ngày 01/7/1996 quy định cha nuôi, mẹ nuôi và con nuôi thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Ngoài ra, BLDS năm 1995 còn có quy định con nuôi (cháu) cũng được hưởng di sản mà cha nuôi hoặc mẹ nuôi

được hưởng nếu còn sống trong trường hợp cha nuôi hoặc mẹ nuôi chết trước hoặc chết cùng thời điểm người để lại di sản (thừa kế thế vị).

Từ năm 2000 – 2010: Tiếp tục kế thừa và phát huy các quy định về nuôi con nuôi trong các văn bản trước, Luật HN&GD năm 2000 đã quy định khá đầy đủ về nuôi con nuôi trong Chương VIII gồm 12 điều từ Điều 67 đến Điều 78. Điều kiện, trình tự, thủ tục nuôi con nuôi ở trong nước (công dân Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi) đều được quy định trong các văn bản hướng dẫn thi hành Luật HN&GD năm 2000, như: Nghị định số 70/2001/NĐ-CP ngày 03/10/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật HN&GD quy định việc xác định dân tộc của con nuôi; Nghị định số 32/2002/NĐ-CP ngày 27/03/2002 quy định việc áp dụng Luật HN&GD đối với các dân tộc thiểu số hướng dẫn đăng ký nuôi con nuôi đối với đồng bào dân tộc thiểu số; Điểm 3 phần II của Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, BLDS năm 2005 vẫn tiếp tục quy định cha mẹ nuôi và con nuôi được thừa kế di sản của nhau và ở hàng thừa kế thứ nhất. Ngoài ra, BLDS năm 2005 quy định cha nuôi, mẹ nuôi có quyền thay đổi họ tên cho con nuôi và ngược lại người con nuôi hoặc cha đẻ, mẹ đẻ có quyền yêu cầu lấy lại họ, tên mà cha đẻ, mẹ đẻ đã đặt khi thôi không làm con nuôi nữa (Điểm b Khoản 1 Điều 27); quyền xác định lại theo dân tộc của cha đẻ, mẹ đẻ trong trường hợp làm con nuôi của người thuộc dân tộc khác mà được xác định theo dân tộc của cha nuôi, mẹ nuôi do không biết cha đẻ, mẹ đẻ là ai (Điểm b Khoản 2 Điều 28). [5]

Trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến năm 2005, Việt Nam đã ký kết 09 Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi với 09 quốc gia là Pháp, Đan Mạch, Italia, Ailen, Thụy Điển, Hoa Kỳ, Canada, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha. Do đó, một số quy định trong Nghị định số 68/2002/NĐ-CP đã không còn phù hợp vì vậy ngày 21/7/2006 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 69/2006/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP. Nghị định đã quy định rõ hơn, đầy đủ hơn nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi, đối tượng trẻ em Việt Nam được giải quyết làm con nuôi người nước ngoài; sửa đổi, bổ sung về hồ sơ của trẻ em được nhận nuôi; về thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Tiếp đó, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 08/2006/TT-BTP ngày 08/12/2006 hướng dẫn thực hiện một số quy định về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài còn được điều chỉnh qua

các Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý và Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa nước ta với các nước.

Nhìn chung, hệ thống pháp luật về nuôi con nuôi trước khi Luật Nuôi con nuôi được ban hành được quy định tản mát trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau (pháp luật về dân sự, hôn nhân gia đình, quốc tịch, hộ tịch...), mỗi văn bản quy định một vấn đề của nuôi con nuôi (nguyên tắc và điều kiện cho nhận con nuôi được quy định trong Luật HN&GD, trình tự, thủ tục đăng ký nuôi con nuôi được quy định trong các nghị định về hôn nhân gia đình và quản lý hộ tịch; quyền thừa kế, quyền nhân thân của con nuôi được quy định trong BLDS, pháp luật về thừa kế, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em... như vậy, thiếu tính thống nhất, dàn trải, dễ bị chồng chéo, mâu thuẫn, gây khó khăn cho việc tiếp cận và áp dụng pháp luật điều chỉnh việc nuôi con nuôi. Là kẽ hở để những cá nhân, hoặc các cơ sở nuôi dưỡng lợi dụng để trục lợi.

2.1.4 Giai đoạn từ khi ban hành Luật nuôi con nuôi đến nay

Ngày 17/6/2010 Quốc hội đã thông qua Luật Nuôi con nuôi, từ ngày 01/01/2011 việc nuôi con nuôi được thực hiện theo quy định của Luật Nuôi con nuôi. Luật Nuôi con nuôi được ban hành đã tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất, ổn định, điều chỉnh thống nhất mọi vấn đề liên quan đến nuôi con nuôi, cả nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong một đạo luật.

Ngay sau khi Luật Nuôi con nuôi có hiệu lực thi hành, ngày 21/3/2011 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 19/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật; Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi và Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011 về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 07/9/2012 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài; Chính phủ ban hành Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, HN&GD, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã quy định các hành vi vi phạm và mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi (Điều 50, Điều 51).

Về quyền và nghĩa vụ phát sinh từ quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi được quy định tại Luật HN&GD năm 2014: quyền và nghĩa vụ về nhân thân (khoản 2, khoản 4 Điều 69, Điều 70, khoản 1 Điều 71, Điều 72, Điều 73); quyền và nghĩa vụ về tài sản giữa cha mẹ nuôi và con nuôi (Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 77). Trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi họ, tên, chữ đệm của con nuôi; việc bổ sung, thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký sau khi được nhận làm con nuôi theo quy định của Luật nuôi con nuôi (Điều 26, Điều 27, Điều 28 Luật hộ tịch năm 2014).

Qua 08 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã bộc lộ bất cập trong việc thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký nuôi con nuôi. Do vậy, ngày 05/3/2019 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 24/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP. Nghị định số 24/2019/NĐ-CP đã đơn giản hoá thủ tục hành chính cho người dân khi đi đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước như mở rộng thẩm quyền theo hướng lựa chọn nơi cư trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận con nuôi để thực hiện thủ tục này.

Ngoài các văn bản pháp luật nêu trên, để việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài được thực hiện thuận lợi về thủ tục và đạt được mục đích nhân đạo là tìm mái ấm gia đình cho trẻ em không nơi nương tựa, đến nay Việt Nam đã ký kết Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi với 14 quốc gia bao gồm: Cộng hòa Ai - len, Vương quốc Bỉ, Ca - na- da, Vương quốc Đan Mạch, Cộng hòa liên bang Đức, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Cộng hòa Italia, Đại công quốc Lúcxăm - bua, Cộng hòa Man - ta, Vương quốc Na - uy, Cộng hòa Pháp, Vương quốc Tây Ban Nha, Vương quốc Thụy Điển, Liên bang Thụy Sĩ. Việt Nam tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác với các nước vừa là thành viên Công ước La Hay số 33 vừa là nước có quan hệ hợp tác song phương với Việt Nam như Pháp, Thụy Sĩ, Đan Mạch, I-ta-li-a và Tây Ban Nha; và các nước đã có văn kiện thỏa thuận hợp tác trên cơ sở Công ước La Hay số 33 như Ca-na-da, Ai-len, Cộng đồng Bỉ Hà Lan ngữ, Cộng đồng Bỉ Pháp ngữ; Hoa Kỳ, Đức, Na Uy, Thụy Điển, Lúcxăm-bua và Man-ta.

Ngoài hoạt động hợp tác trên cơ sở điều ước và thỏa thuận quốc tế, Bộ Tư pháp còn hợp tác chặt chẽ với các nước như Anh, Niu Di - lân, Ô - xtrây - li - a, Hung - ga - ri, Áo, Nhật Bản. Đây là những nước có công dân nhận trẻ em Việt Nam thuộc diện con riêng, cháu ruột làm con nuôi.

Như vậy, từ khi ban hành Luật Nuôi con nuôi thì hệ thống pháp luật điều chỉnh chế định nuôi con nuôi đã tương đối hoàn thiện tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất, khả thi nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các cặp vợ chồng trong nước mong muốn có con nuôi; bảo vệ quyền và lợi ích của cha mẹ nuôi, giúp họ ổn định tư tưởng và yên tâm trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con nuôi như con đẻ. Bên cạnh đó, còn thể hiện mối tương quan hài hòa với phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc, pháp luật và sự tôn trọng các cam kết quốc tế của Nhà nước ta đã đưa ra khi tham gia Công ước La Hay; bảo đảm việc nuôi con nuôi được tiến hành trên nguyên tắc nhân đạo, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, hài hòa với nội dung Công ước La Hay về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế.

Việc nhận và nuôi con nuôi ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Và sự ảnh hưởng rõ ràng nhất đó là phong tục tập quán và đạo đức truyền thống: Truyền thống vô cùng tốt đẹp của dân tộc ta “lá lành đùm lá rách” luôn được phát huy và sự ủng hộ của xã hội do đó việc nhận trẻ mồ côi, không nơi nương tựa làm con nuôi là việc làm mang tính nhân nhân văn nhân đạo giữ con người với con người. Việc nhận nuôi con nuôi đối với những trường hợp này thể hiện tinh thần tương thân tương ái của người dân Việt Nam. Việt Nam có phong tục nhận nuôi con nuôi theo tập tục nối nôi - tục lệ phổ biến có tính chất đặc trưng ở các đồng bào dân tộc thiểu số. Nối nôi có thể hiểu là sự thay thế người khác bằng một người trong họ hàng của người chết để tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nhằm duy trì dòng họ, nôi giống “Đối với dân tộc Mường, Thái mà không có con thì họ nhận con của người anh hay em làm con nuôi coi như con đẻ của mình”, “Người Chăm cũng thường nhận nuôi con nuôi là người trong tộc họ, nếu không có thì kiếm người ngoài tộc”. Việc nhận con nuôi trong họ đã trở thành một phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc. Bên cạnh đó, một số người còn có quan niệm nhận con nuôi để lấy phúc hi vọng đem lại may mắn cho gia đình, có thể giảm bớt những điều không may mắn cho gia đình. Quan hệ nuôi con nuôi theo phong tục tập quán, đạo đức truyền thống tồn tại từ lâu trong cộng đồng người dân Việt Nam và đến nay vẫn đang tồn tại, quan hệ này vẫn phát sinh trong cuộc sống hàng ngày mặc dù chưa được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bên cạnh đó là tình hình thực tế của nước ta: Việt Nam là nước chịu hậu quả nặng nề từ các cuộc chiến tranh để lại, lịch sử phát triển của đất nước ta rất khó khăn, xuất phát điểm thấp chủ yếu là nông nghiệp, điều kiện kinh tế xã hội gặp nhiều khó

khăn; việc phát sinh quan hệ nuôi con nuôi có thể do nhiều trường hợp vô sinh, hiếm muộn nên nhận con nuôi để được chăm sóc, nuôi dưỡng con cái; khi phát sinh quan hệ nuôi con nuôi người dân không đi đăng ký có thể do nhiều nguyên nhân. Tuy nhiên, khi đất nước đang ngày càng phát triển, các mối quan hệ xã hội, quan hệ gia đình đang dần có những thay đổi nhất định. Các tranh chấp phát sinh trong gia đình đang ngày càng gia tăng và phức tạp trong cơ chế giải quyết. Việc nuôi con nuôi thực tế do không đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không được pháp luật công nhận và bảo hộ, quyền và lợi ích hợp pháp của cha, mẹ nuôi và con nuôi bị xâm hại. Khi có việc phát sinh từ việc nuôi con nuôi như thừa kế, các tranh chấp giữa con nuôi với gia đình cha, mẹ nuôi (anh chị em nuôi, ông bà nuôi...) đang ngày càng gia tăng. Chính vì lý do này, mà pháp luật về nuôi con nuôi của Việt Nam đã không ngừng hoàn thiện để đảm bảo tốt nhất cho quyền và nghĩa vụ của cả người được nhận nuôi và người nhận nuôi.

2.2 Các nguyên tắc cơ bản về nhận nuôi con nuôi

Nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi là những quan điểm chỉ đạo, thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực nuôi con nuôi, có tính định hướng, chỉ đạo và được quán triệt trong toàn bộ các quy phạm pháp luật về nuôi con nuôi cũng như việc thi hành và áp dụng pháp luật về nuôi con nuôi trong thực tiễn.

Các nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi được quy định tại Điều 4 Luật Nuôi con nuôi, được áp dụng cho cả nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Các nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định của Luật Nuôi con nuôi đã nội luật hóa các nguyên tắc của Công ước La Hay và phát triển những nguyên tắc đó cho phù hợp với đặc điểm văn hóa, xã hội và truyền thống gia đình của Việt Nam.

2.2.1. Nguyên tắc khi giải quyết việc nuôi con nuôi phải tôn trọng quyền trẻ em là được sống trong môi trường gia đình gốc

Đây là một nguyên tắc được thừa nhận chung trong cộng đồng quốc tế. Gia đình là một đơn vị trung tâm trong đời sống chính trị, xã hội và tôn giáo, là “một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố trên cơ sở hôn nhân và huyết thống hoặc nuôi dưỡng, giáo dục”. Gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. [10] Nguyên tắc này cũng được thể hiện rõ nét thông qua quy định về “thứ tự ưu tiên lựa chọn gia đình thay thế” cho trẻ em. Theo đó, nếu trẻ không được cha mẹ đẻ chăm sóc, nuôi dưỡng thì ưu

tiên dành cho những người thân trong gia đình, những người có quan hệ huyết thống hoặc nuôi dưỡng với trẻ em như cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi. Đây là quy định hoàn toàn mới so với pháp luật về nuôi con nuôi trước đây, nhằm bảo đảm tối đa cơ hội cho trẻ được sống trong gia đình gốc của mình.

2.2.2. Nguyên tắc việc nuôi con nuôi phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người được nhận làm con nuôi và người nhận con nuôi, tự nguyện, bình đẳng, không phân biệt nam nữ, không trái pháp luật và đạo đức xã hội

Việc nuôi con nuôi phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người được nhận làm con nuôi và người nhận con nuôi. Quyền và lợi ích hợp pháp của con nuôi phải được quan tâm hàng đầu nhưng không phải là duy nhất. Do vậy, pháp luật vừa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con nuôi, vừa phải đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cha mẹ nuôi. Chỉ khi được pháp luật bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì cha mẹ nuôi mới yên tâm thực hiện đầy đủ trách nhiệm làm cha mẹ đối với con nuôi, và chính điều này mới đảm bảo một cách đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của con nuôi. Việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cha mẹ nuôi nhằm thiết lập mối quan hệ bền vững, lâu dài và ổn định giữa cha mẹ nuôi với con nuôi, góp phần củng cố, phát triển những tình cảm nhân ái tốt đẹp, yêu thương, đùm bọc trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, tạo nên sự ổn định, bền vững, lành mạnh cho xã hội.

Việc nuôi con nuôi phải được thực hiện tự nguyện, bình đẳng, không phân biệt nam nữ. Đây là nguyên tắc được thừa nhận trong Công ước La Hay: những cá nhân, tổ chức, các cơ quan có thẩm quyền mà việc cho con nuôi cần có sự đồng ý của họ thì họ phải đưa ra sự đồng ý một cách tự nguyện (Điều 4). Đây là sự đồng ý vô điều kiện, không kèm theo bất kỳ một khoản tiền hay bồi thường nào, không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ tác động nào. “Tự nguyện” là một trong những nguyên tắc cơ bản trong quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi. Sự tự nguyện là yếu tố quan trọng nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến thân phận của trẻ em được nhận làm con nuôi, quyết định việc nuôi con nuôi có đúng với bản chất của nó hay không.

Việc nuôi con nuôi không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Việc nuôi con nuôi phải phù hợp với các quy định của pháp luật như không được lợi dụng việc nuôi con nuôi để trục lợi, bóc lột sức lao động, xâm hại tình dục; bắt cóc, mua bán trẻ em; lợi dụng việc cho con nuôi để vi phạm pháp luật về dân số; lợi dụng việc làm con nuôi của thương binh, người có công với cách mạng, người dân tộc

thiếu số để hưởng chế độ chính sách ưu đãi của Nhà nước... Việc nuôi con nuôi phải phù hợp với đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Nuôi con nuôi là vấn đề mang tính nhân văn, nhân đạo sâu sắc, tuy nhiên không phải trường hợp nào pháp luật cũng thừa nhận mối quan hệ này.

2.2.3. Nguyên tắc chỉ cho làm con nuôi người ở nước ngoài khi không thể tìm được gia đình thay thế ở trong nước

Nguyên tắc này được thừa nhận trong các văn kiện pháp lý quốc tế. Lời nói đầu của Công ước La Hay đã “công nhận rằng, nuôi con nuôi quốc tế có lợi là đem lại mái ấm gia đình lâu dài cho trẻ không tìm được một gia đình thích hợp tại nước gốc của mình”. Gia đình gốc luôn được coi là môi trường lý tưởng nhất cho sự phát triển của trẻ em. Vì một số lý do nào đó, trẻ em không được nuôi dưỡng, chăm sóc trong môi trường gia đình gốc, thì cần giúp đỡ tìm cho trẻ gia đình nuôi dưỡng trong nước, lớn lên ngay trên quê hương của mình nếu điều đó vẫn thực hiện được. Con người không chỉ là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội mà còn là sự gắn kết của các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng, truyền thống lịch sử, tôn giáo và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác. Do đó, được trưởng thành ngay trên quê hương, đất nước mình là quyền chính đáng của mỗi con người, việc cho trẻ em ra nước ngoài là điều phải cân nhắc.

Các nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi là những tư tưởng chủ đạo, xuyên suốt quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi mà các chủ thể có liên quan phải tuân thủ. Việc thực hiện tốt, đầy đủ các nguyên tắc này sẽ bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ được nhận làm con nuôi, đồng thời là khung pháp lý nhằm tránh, khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền trẻ em trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

2.3 Điều kiện nuôi con nuôi

Hiện nay, chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định cụ thể về điều kiện nuôi con nuôi, nhưng có thể hiểu điều kiện nuôi con nuôi là tổng hợp những quy phạm pháp luật do Nhà nước Việt Nam đặt ra mà các bên chủ thể trong quan hệ pháp luật nuôi con nuôi phải tuân thủ để xác lập quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi.

2.3.1. Điều kiện đối với người được nhận làm con nuôi

Người được nhận làm con nuôi phải đáp ứng những điều kiện quy định tại Điều 8 của Luật nuôi con nuôi năm 2010 như sau:

Trẻ em dưới 16 tuổi: Trẻ em là người dưới 16 tuổi do đó để bảo đảm tính thống nhất về độ tuổi trẻ em trong hệ thống pháp luật, Luật nuôi con nuôi quy

định trẻ em được nhận làm con nuôi là người dưới 16 tuổi. Quy định về độ tuổi của người được nhận làm con nuôi là trẻ em dưới 16 tuổi nhằm bảo đảm về sự chênh lệch và khoảng cách độ tuổi cần thiết giữa hai thế hệ, bảo đảm được mục đích xác lập quan hệ cha mẹ và con, tạo điều kiện để người được nhận làm con nuôi được trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với đạo đức xã hội.

Trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chỉ được nhận làm con nuôi của cha dượng, mẹ kế hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột: Khi từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi đã có thể tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự, nhưng khi thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, động sản phải đăng ký và phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý. Những giao dịch đó là giao dịch lớn và trẻ vẫn chưa đủ chín chắn trong nhận thức để quyết định nên cần có người giám hộ đồng ý và chỉ những người được xem là thân thích nhất với trẻ mới được nhận trẻ làm con nuôi trong trường hợp này để tránh một phần nào đó việc lợi dụng trẻ cho những mục đích không tốt của người nhận nuôi trẻ. Quy định này nhằm mục đích tạo điều kiện cho người được nhận nuôi được sống trong môi trường gia đình gốc, gia đình có mối quan hệ huyết thống hoặc gia đình có quan hệ họ hàng với mình.

Đồng thời, một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng. Một gia đình có thể nhận nhiều người con nuôi nhưng một người con nuôi chỉ có thể làm con nuôi của một gia đình mới. Nhà nước khuyến khích việc nhận trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác làm con nuôi.

2.3.2. Điều kiện đối với người nhận nuôi con nuôi

Người nhận nuôi con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây: Người nhận con nuôi phải có NLHVDS đầy đủ theo quy định tại Điều 22, 23, 24 BLDS năm 2015. Điều kiện này thể hiện ý chí của người nhận con nuôi đối với việc nhận con nuôi, nhằm bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạo dựng một mái ấm gia đình đúng nghĩa cho trẻ được nhận làm con nuôi.

Người nhận nuôi hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên: đây là điều kiện về độ tuổi của người nhận con nuôi. Sự chênh lệch độ tuổi giữa người nhận nuôi và con nuôi không chỉ bảo đảm việc người nhận nuôi sẽ có vốn sống, kinh nghiệm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ nhất định mà việc chênh lệch độ tuổi còn tạo nên khoảng cách thế hệ, giúp hình thành quan hệ gia đình đúng với truyền thống, phong tục, đạo đức xã hội.

Trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì không cần chứng minh điều kiện bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con nuôi. Tuy nhiên, việc miễn điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở cũng dẫn đến những trường hợp không đủ điều kiện đảm bảo để nuôi dưỡng trẻ. Vì vậy, trong trường hợp này, nếu người nhận không đủ điều kiện về kinh tế, sức khỏe, chỗ ở để nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ thì việc nhận con nuôi không nên được chấp nhận trừ trường hợp nhận nuôi trẻ từ đủ 09 tuổi trở lên vì trẻ ở tuổi này đã được thể hiện ý chí khi làm con nuôi. Ngoài ra, việc miễn điều kiện này và điều kiện về độ tuổi có được áp dụng với chồng hoặc vợ của cô, dì, chú, bác, cậu ruột nhận cháu làm con nuôi hay không Luật không quy định dẫn đến thực tiễn áp dụng sẽ gặp phải khó khăn, vướng mắc.

Người nhận nuôi có tư cách đạo đức tốt: Tư cách đạo đức của cha mẹ nuôi ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành, phát triển nhân cách của trẻ. Cha mẹ không chỉ là tấm gương phản chiếu mà còn là nền tảng tạo nên tính cách, nhân cách của mỗi đứa trẻ. Cho nên, cha mẹ nuôi có tư cách đạo đức tốt sẽ mang đến cho trẻ một mái ấm thực sự, một môi trường sống lành mạnh, an toàn giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và nhân cách. Nếu như cha mẹ không có tư cách đạo đức tốt thì đứa trẻ sau này cũng không thể tốt. Đồng thời với quy định này hạn chế việc lợi dụng trẻ vào những mục đích không tốt. Vì vậy, đây là một yếu tố cần thiết đảm bảo cho con nuôi được sống trong môi trường gia đình lành mạnh. Mặc dù đây là một điều kiện cần thiết, tuy nhiên Luật lại không quy định cụ thể tiêu chí nào để xác định một người là “có tư cách đạo đức tốt” mà giới hạn một số trường hợp không được nhận con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Nuôi con nuôi. Đây là những trường hợp nghiêm trọng, điển hình liên quan đến tư cách đạo đức của một người mà pháp luật bắt buộc phải cấm họ không được nhận nuôi con nuôi để tránh ảnh hưởng xấu, thậm chí nguy hiểm đến con nuôi.

Bên cạnh đó, Luật Nuôi con nuôi cũng cấm ông bà nhận cháu làm con nuôi hoặc anh, chị, em nhận nhau làm con nuôi (Điều 13) để tránh sự đảo lộn thứ bậc trong gia đình, tôn trọng phong tục truyền thống của dân tộc.

Ngoài các điều kiện trên, trường hợp một người độc thân nhận con nuôi sau đó kết hôn thì chồng/vợ người này có được nhận người đó làm con nuôi hay không hoặc trường hợp vợ hoặc chồng chết, người còn lại kết hôn với người

khác thì người này có được nhận con nuôi riêng của chồng hoặc vợ hay không Luật cũng chưa quy định.

2.4. Đăng ký nuôi con nuôi

2.4.1. Thẩm quyền đăng ký nhận nuôi con nuôi

Căn cứ theo Điều 9 Luật nuôi con nuôi 2010 quy định về thẩm quyền đăng ký nuôi con nuôi:

“1. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi thường trú của người được giới thiệu làm con nuôi hoặc của người nhận con nuôi đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nơi thường trú của người được giới thiệu làm con nuôi quyết định việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

3. Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài đăng ký việc nuôi con nuôi của công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài.”

Như vậy, người có nguyện vọng xin nhận con nuôi trong nước mà chưa xác định được trẻ em cần xin làm con nuôi, thì có thể đăng ký nhu cầu với Sở Tư pháp nơi thường trú để Sở Tư pháp giới thiệu.

2.4.2. Hồ sơ nhận nuôi con nuôi

Với mục đích tìm một gia đình thay thế thích hợp nhất cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được nhận làm con nuôi, người nhận con nuôi phải có đủ điều kiện về môi trường gia đình, kinh tế, xã hội của mình bảo đảm việc nuôi con nuôi. Chính vì thế, Luật Nuôi con nuôi quy định UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú có trách nhiệm xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.

Căn cứ Điều 17, 18 Luật con nuôi 2010 quy định chi tiết về hồ sơ của người nhận con nuôi và hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi trong nước:

Hồ sơ của người nhận con nuôi gồm có: 1. Đơn xin nhận con nuôi; 2. Bản sao Hộ chiếu, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; 3. Phiếu lý lịch tư pháp; 4. Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân; 5. Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật này.

Hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi trong nước gồm có: a) Giấy khai sinh; b) Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; c) Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng; d) Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự; đ) Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng; Cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ lập hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi sống tại gia đình; cơ sở nuôi dưỡng lập hồ sơ của trẻ em được giới thiệu làm con nuôi sống tại cơ sở nuôi dưỡng.

2.4.3. Thủ tục nhận nuôi con nuôi

Khi đã tiếp nhận hồ sơ của người nhận con nuôi và người được giới thiệu làm con nuôi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành tổ chức đăng ký nuôi con nuôi. Khi đăng ký nuôi con nuôi, cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ, người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng và người được nhận làm con nuôi phải có mặt. Công chức tư pháp – hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng, tổ chức giao nhận con nuôi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày có ý kiến đồng ý của những người liên quan. Nếu xét thấy hoặc người nhận con nuôi hoặc người được nhận làm con nuôi không đủ điều kiện theo quy định thì Ủy ban nhân dân cấp xã từ chối đăng ký và phải trả lời bằng văn bản cho người nhận con nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng và nêu rõ lý do trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến của những người liên quan.

Sau khi được công nhận việc nuôi con nuôi kể từ ngày giao nhận con nuôi, cha mẹ nuôi có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ thường trú về tình trạng sức khỏe, thể chất, tinh thần, sự hòa nhập của con nuôi với cha mẹ nuôi, gia đình, cộng đồng cứ sáu tháng một lần trong thời hạn 03 năm. Cùng đó Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cha mẹ nuôi thường trú có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện việc nuôi con nuôi.

2.5. Hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi

2.5.1. Quan hệ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi

Ngay từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi được xác lập thì giữa cha mẹ nuôi với con nuôi phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Về quyền nhân thân, cha mẹ có quyền yêu cầu thay đổi họ, tên của con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật nuôi con nuôi và quyền xác định dân tộc của con nuôi. Đối với quyền tài sản: Quyền có tài sản riêng của con (Điều 75 Luật HN&GD 2014); Quản lý tài sản riêng của con (Điều 76 Luật HN&GD năm 2014); Định đoạt tài sản riêng của con chưa thành niên, con đã thành niên mất NLHVDS (Điều 77 Luật HN&GD năm 2014); Bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của con gây ra (Điều 74 Luật HN&GD năm 2014); Quyền thừa kế giữa cha mẹ nuôi và con nuôi; Quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa cha mẹ nuôi và con nuôi. Bên cạnh quy định về quyền và nghĩa vụ cha mẹ và con khi quan hệ nuôi con nuôi được xác lập thì pháp luật cũng quy định về Hạn chế quyền của cha mẹ đối với con để nhằm đảm bảo trong mọi trường hợp trẻ em vẫn được ưu tiên bảo vệ, còn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ thì phải thực hiện phù hợp với lợi ích của con.

a) Quyền và nghĩa vụ về nhân thân

Theo Luật HNGD 2014 trong quan hệ nhân thân của cha mẹ đối với con có các quyền và nghĩa vụ được quy định như sau: “Cha mẹ tạo điều kiện cho con được sống trong môi trường gia đình đầm ấm, hòa thuận; làm gương tốt cho con về mọi mặt, thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con để con trở thành người con hiếu thảo của gia đình. Đồng thời cha mẹ có nghĩa vụ chăm lo và tạo điều kiện cho con học tập, phối hợp chặt chẽ với nhà trường, cơ quan, tổ chức trong việc giáo dục con để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức. Cha mẹ hướng dẫn con chọn nghề; tôn trọng quyền chọn nghề, quyền tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của con giúp con trở thành công dân có ích cho xã hội. Ngoài ra cha mẹ có thể đề nghị cơ quan, tổ chức hữu quan giúp đỡ để thực hiện việc giáo dục con khi gặp khó khăn không thể tự giải quyết được theo quy định tại Điều 72 Luật HN&GD 2014; Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại Khoản 2 Điều 69 và Khoản 1 Điều 71 Luật HN&GD 2014; Cha mẹ là người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, trừ trường hợp con có

người khác làm giám hộ hoặc có người khác đại diện theo pháp luật; Vì cha mẹ là người giám hộ cho con nên cha hoặc mẹ có quyền tự mình thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Đối với giao dịch liên quan đến tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, tài sản đưa vào kinh doanh của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự thì phải có sự thỏa thuận của cha mẹ và cha, mẹ phải chịu trách nhiệm liên đới về việc thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản của con trong những trường hợp trên theo quy định tại Điều 73 Luật HN&GD 2014; Cha mẹ không được phân biệt đối xử với con về giới tính hoặc theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ; nghiêm cấm tình trạng lạm dụng quyền làm cha mẹ của mình để bắt bán sức lao động của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động; không được xúi giục, ép buộc con làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội theo quy định tại Khoản 4 Điều 69 Luật HN&GD 2014.

Quyền và nghĩa vụ về nhân thân của con nuôi với cha nuôi, mẹ nuôi được quy định tại Điều 70 Luật HN&GD 2014 như sau: “Con có quyền được cha mẹ thương yêu, tôn trọng, thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp về nhân thân và tài sản theo quy định của pháp luật; được học tập và giáo dục; được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức; Con có bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng đối với cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình; Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc biệt khi cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự, ốm đau, già yếu, khuyết tật; trường hợp gia đình có nhiều con thì các con phải cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ; Con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì có quyền sống chung với cha mẹ, được cha mẹ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc; Con chưa thành niên tham gia công việc gia đình phù hợp với lứa tuổi và không trái với quy định của pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Con đã thành niên có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình. Khi sống cùng với cha mẹ, con có nghĩa vụ tham gia công việc gia đình, lao động, sản xuất, tạo thu nhập nhằm bảo đảm đời sống chung của gia đình; đóng góp thu nhập vào việc đáp ứng nhu cầu của gia đình phù hợp với khả năng của mình.

b) Quyền và nghĩa vụ về tài sản

Quyền và nghĩa vụ về tài sản giữa cha nuôi, mẹ nuôi và con nuôi được phát sinh đồng thời với quyền và nghĩa vụ về nhân thân khi mối quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi được xác lập. Quyền có tài sản riêng của con được quy định tại Điều 75 Luật HN&GD 2014. Dựa trên quy định pháp luật Việt Nam về quyền sở hữu tài sản thì quyền sở hữu tài sản riêng không phân biệt vào độ tuổi cũng như khả năng nhận thức của công dân. Do đó con có quyền có tài sản riêng. Tài sản riêng của con bao gồm: “Tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng; Thu nhập do lao động của con; Hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của con và thu nhập hợp pháp khác; Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của con cũng là tài sản riêng của con.” Con có quyền sở hữu tài sản của mình bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản. Tuy nhiên, để thực hiện được các quyền sở hữu của mình thì còn phụ thuộc vào năng lực hành vi dân sự của con (về độ tuổi và năng lực hành vi dân sự). Con từ đủ 15 tuổi đã có quyền tự mình xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự, định đoạt tài sản riêng của mình nhưng nếu con chưa đủ 18 tuổi thì khi thực hiện giao dịch với tài sản có giá trị lớn thì phải có sự đồng ý của cha mẹ nuôi. Bên cạnh quyền được có tài sản riêng thì con từ đủ 15 tuổi trở lên sống chung với cha mẹ phải có nghĩa vụ chăm lo đời sống chung của gia đình; đóng góp vào việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nếu có thu nhập. Con đã thành niên khi sống cùng với cha mẹ, con có nghĩa vụ tham gia công việc gia đình, lao động, sản xuất, tạo thu nhập nhằm bảo đảm đời sống chung của gia đình, đóng góp thu nhập vào việc đáp ứng nhu cầu của gia đình phù hợp với khả năng của mình.

Việc quản lý tài sản riêng của con được quy định tại Điều 76 Luật HN&GD 2014 như sau: Con từ đủ 15 tuổi trở lên có thể tự mình quản lý tài sản riêng hoặc nhờ cha mẹ quản lý. Khi con đủ tuổi này đã có thể tự mình tiến hành các giao dịch độc lập. Vì vậy con có thể tự mình quản lý tài sản riêng của mình hoặc nhờ cha mẹ nuôi quản lý thay mình; Tài sản riêng của con dưới 15 tuổi, con mất năng lực hành vi dân sự do cha mẹ quản lý. Cha mẹ có thể ủy quyền cho người khác quản lý tài sản riêng của con. Ở trường hợp này con chưa đủ nhận thức về việc quản lý tài sản của mình nên cần có người thay con quản lý tài sản đó mà người này không ai khác là cha mẹ nuôi, là người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của con hoặc ủy quyền cho người khác quản lý. Nhưng cần lưu ý khi con đã đủ tuổi hoặc đã khôi phục năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì tài sản riêng của con do cha mẹ hoặc người khác quản lý được giao lại cho con, trừ

trường hợp cha mẹ và con có thỏa thuận khác; Trong một số trường hợp cụ thể thì cha mẹ không quản lý tài sản riêng của con như: Trường hợp con đang được người khác giám hộ theo quy định của BLDS, người tặng cho tài sản hoặc để lại tài sản thừa kế theo di chúc cho người con đã chỉ định người khác quản lý tài sản đó hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Trường hợp cha mẹ đang quản lý tài sản riêng của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự mà con được giao cho người khác giám hộ thì tài sản riêng của con được giao lại cho người giám hộ quản lý theo quy định của BLDS.

Định đoạt tài sản riêng của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 77 Luật HN&GD 2014: “Khi con dưới 15 tuổi thì cha mẹ hoặc người giám hộ quản lý tài sản riêng của con có quyền định đoạt tài sản đó nhưng phải là vì lợi ích của con, nếu con từ đủ 09 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Con từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi có quyền tự quản lý tài sản của mình thì con cũng có quyền định đoạt tài sản riêng, trừ trường hợp tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc dùng tài sản để kinh doanh thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của cha mẹ hoặc người giám hộ. Trong trường hợp con đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự thì việc định đoạt tài sản riêng của con do người giám hộ thực hiện.”

Bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của con gây ra theo quy định tại Điều 74 Luật HN&GD 2014: “Cha mẹ phải bồi thường thiệt hại do con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự gây ra theo quy định của Điều 586 BLDS 2015 như sau: Người chưa đủ mười lăm tuổi gây thiệt hại thì cha, mẹ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại; nếu tài sản của cha, mẹ không đủ để bồi thường mà con chưa thành niên gây thiệt hại có tài sản riêng thì lấy tài sản đó để bồi thường phần còn thiếu; Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình; Người từ đủ mười tám tuổi trở lên gây thiệt hại thì phải tự bồi thường. Ngoài ra BLDS còn quy định tại Điều 599: Người chưa đủ mười lăm tuổi trong thời gian trường học trực tiếp quản lý mà gây thiệt hại thì trường học phải bồi thường thiệt hại xảy ra. Người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại cho người khác trong thời gian bệnh viện, pháp nhân khác trực tiếp quản lý thì bệnh viện, pháp nhân khác phải bồi thường thiệt hại xảy ra. Nhưng nếu Trường học, bệnh viện, pháp nhân khác chứng minh được mình không có lỗi

trong quản lý; trong trường hợp này thì không phải bồi thường, cha, mẹ, người giám hộ của người dưới mười lăm tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự phải bồi thường.”

2.5.2 Quan hệ giữa con nuôi với các thành viên khác trong gia đình cha mẹ nuôi

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã quy định rất cụ thể về những vấn đề phát sinh quyền và nghĩa vụ khi quan hệ nhận và nuôi con nuôi hình thành. Về quan hệ giữa con nuôi với cha mẹ đẻ của cha mẹ nuôi: Trong mỗi quan hệ này, cha mẹ đẻ của cha mẹ nuôi với người con nuôi sẽ có mối quan hệ ông bà và cháu theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, giữa họ sẽ có quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo Điều 103, Điều 104 Luật này. Do vậy, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa người con nuôi với cha mẹ đẻ của người nhận nuôi cũng xuất hiện căn cứ theo Điều 107, Điều 113 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Quan hệ giữa con nuôi với các con đẻ của cha mẹ nuôi: Giữa con nuôi với các con đẻ của người nhận nuôi sẽ là mối quan hệ giữa các thành viên gia đình với nhau theo quy định tại Điều 103 Luật HN&GD năm 2014; Quan hệ giữa con nuôi với anh, chị, em ruột của cha mẹ nuôi: Luật HN&GD năm 2014 quy định: Cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp người cần được nuôi dưỡng không còn cha, mẹ, con và những người được quy định tại Điều 104 và Điều 105 hoặc còn nhưng những người này không có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng.

2.5.3. Quan hệ giữa cha mẹ đẻ với con đã làm con nuôi

a) Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đẻ với con đã cho làm con nuôi khi không có sự thỏa thuận giữa cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi

Về nguyên tắc, kể từ ngày giao nhận con nuôi, cha mẹ đẻ không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi. Tuy nhiên, quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ đẻ và con đã cho làm con nuôi còn tùy thuộc vào sự thỏa thuận giữa cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi khi xác lập việc nuôi con nuôi.

“Trừ trường hợp giữa cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi có thỏa thuận khác, kể từ ngày giao nhận con nuôi, cha mẹ đẻ không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi”. Như vậy, nếu giữa cha mẹ

đẻ và cha mẹ nuôi không có thỏa thuận gì thì giữa cha mẹ đẻ và con đã cho làm con nuôi không còn nghĩa vụ và quyền của cha mẹ đối với con theo quy định tại các Điều 69, 71, 72, 73, 74, 76, 77, 110 Luật HN&GD năm 2014. Con đã cho làm con nuôi cũng sẽ không có quyền và nghĩa vụ đối với cha mẹ theo quy định tại Điều 70, 71, 111 Luật HN&GD năm 2014. Theo quy định tại Điều 653 BLDS năm 2015 thì “Con nuôi và cha nuôi, mẹ nuôi được thừa kế di sản của nhau và còn được thừa kế di sản theo quy định tại Điều 651 và Điều 652 của Bộ luật này”. Theo luật định, người con nuôi vừa được hưởng di sản thừa kế của cha mẹ đẻ, vừa được hưởng di sản thừa kế của cha mẹ nuôi.

b) Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đẻ với con đã cho làm con nuôi khi không có sự thỏa thuận giữa cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi

Cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi có quyền thỏa thuận với nhau về các quyền và nghĩa vụ làm cha mẹ đối với con. Sự thỏa thuận của cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi về việc có chấm dứt quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ đẻ với con: Trường hợp cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi thỏa thuận chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ đẻ và con đã đi làm con nuôi thì ngày sau khi con nuôi đã xác lập quan hệ cha mẹ nuôi - con nuôi với gia đình mới, các quyền và nghĩa vụ mới của con nuôi phát sinh với cha mẹ nuôi, chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ kể cả quan hệ thừa kế giữa cha mẹ đẻ và con đã đi làm con nuôi; Trường hợp cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi thỏa thuận chấm dứt một số quyền và nghĩa vụ nhất định của con đã đi làm con nuôi với gia đình cha mẹ đẻ thì những quyền và nghĩa vụ không thỏa thuận chấm dứt sẽ vẫn tồn tại và được thực hiện trên thực tế; Trường hợp cha mẹ nuôi và cha mẹ đẻ thỏa thuận giữ nguyên toàn bộ quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ đẻ và con đã đi làm con nuôi thì quyền và nghĩa vụ của các bên không thay đổi. Có thể thấy, pháp luật tôn trọng ý chí của cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi trong việc xác định quyền và nghĩa vụ của con nuôi.

2.6 Chấm dứt của việc nuôi con nuôi

2.6.1 Căn cứ pháp lý về chấm dứt việc nuôi con nuôi

Kế thừa và phát triển quy định của Luật HN&GD năm 2000 về căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi, Luật Nuôi con nuôi đã quy định cụ thể hơn tại Điều 25 nhằm bảo vệ quyền lợi của các bên khi thiết lập quan hệ nuôi con nuôi nên pháp luật cho phép được chấm dứt quan hệ nuôi con nuôi. [8]

Việc chấm dứt nuôi con nuôi chỉ được thực hiện trong các trường hợp luật quy định: Con nuôi đã thành niên và cha mẹ nuôi tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Nuôi con nuôi; Con nuôi bị kết

án về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của cha mẹ nuôi; ngược đãi, hành hạ cha mẹ nuôi hoặc con nuôi có hành vi phá tán tài sản của cha mẹ nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Nuôi con nuôi; Cha mẹ nuôi bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con nuôi; ngược đãi, hành hạ con nuôi theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Nuôi con nuôi; Vi phạm quy định tại Điều 13 Luật Nuôi con nuôi. Điều 13 Luật Nuôi con nuôi về các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực nuôi con nuôi và toàn bộ các quy định này được Điều 25 viện dẫn, coi là căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi. Cụ thể Điều 13 cấm các hành vi sau đây: “Lợi dụng việc nuôi con nuôi để trục lợi, bóc lột sức lao động, xâm hại tình dục; bắt cóc, mua bán trẻ em; Giả mạo giấy tờ để giải quyết việc nuôi con nuôi; Phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi; Lợi dụng việc cho con nuôi để vi phạm pháp luật về dân số; Lợi dụng việc làm con nuôi của thương binh, người có công với cách mạng, người thuộc dân tộc thiểu số để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước; Ông, bà nhận cháu làm con nuôi hoặc anh, chị, em nhận nhau làm con nuôi; Lợi dụng việc nuôi con nuôi để vi phạm pháp luật, phong tục tập quán, đạo đức, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Các hành vi nói trên là trái pháp luật và trái đạo đức xã hội, chính vì thế việc áp dụng một chế tài đối với việc nhận và nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước là vô cùng cần thiết nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của các cá nhân liên quan, lợi ích của gia đình và xã hội.

2.6.2. Thủ tục chấm dứt việc nuôi con nuôi

Giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi được giải quyết theo thủ tục giải quyết việc dân sự và yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi được coi là việc dân sự không có tranh chấp giữa các bên nên không tiến hành hòa giải.

Để giải quyết việc chấm dứt việc nuôi con nuôi, người có yêu cầu cần nộp đơn yêu cầu giải quyết việc chấm dứt nuôi con nuôi đến TAND cấp quận, huyện, thành phố nơi cha, mẹ nuôi hoặc con nuôi cư trú, làm việc để giải quyết. Đơn yêu cầu tòa án giải quyết việc dân sự được quy định tại Điều 362 BLTTDS năm 2015. Sau khi nhận đơn nếu đủ điều kiện thụ lý, Tòa án sẽ tiến hành mở phiên tòa giải quyết việc dân sự: Tòa án sẽ ra quyết định về việc giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi, người yêu cầu giải quyết việc dân sự nộp lệ phí, án phí theo quy định của pháp luật. Nếu cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham dự phiên tòa giải quyết việc nuôi con nuôi không có kháng cáo với quyết định của tòa cho chấm dứt việc nuôi con nuôi, thì quyết

định của tòa án sẽ có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi là một trong những yêu cầu về HN&GD thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Khi giải quyết yêu cầu này, Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của đương sự thì phải căn cứ vào quy định tại Điều 25 Luật Nuôi con nuôi.

2.6.3. Hậu quả chấm dứt việc nuôi con nuôi

Căn cứ theo Điều 27 Luật Nuôi con nuôi đã có những quy định khá cụ thể về hệ quả của việc chấm dứt nuôi con nuôi. Khi quan hệ nuôi con nuôi được xác lập về nguyên tắc các quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi sẽ phát sinh, bao gồm quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản. Khi có căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết cho chấm dứt quan hệ nuôi con nuôi thì hệ quả pháp lý quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi chấm dứt; các quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ đẻ và con đẻ được khôi phục: “Quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Khi chấm dứt việc nuôi con nuôi theo quyết định của Tòa án thì các quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi cũng chấm dứt.

Xét về nhân thân: Nếu con nuôi đã thành niên thì tự mình sẽ tự quyết định mọi vấn đề liên quan đến cuộc sống của mình mà không cần phụ thuộc vào bất kỳ ai. Còn trường hợp con nuôi là người chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động thì Tòa án quyết định giao cho cha mẹ đẻ hoặc tổ chức, cá nhân khác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì lợi ích tốt nhất của người đó. Và con nuôi có quyền lấy lại họ, tên của mình như trước khi được cho làm con nuôi. Sau khi được nhận làm con nuôi thì cha mẹ nuôi có thể thay đổi họ tên của con nuôi thì sau khi chấm dứt quan hệ nuôi con nuôi thì con đã thành niên hoặc cha mẹ ruột của con chưa thành niên có quyền giữ lại họ tên mà cha mẹ nuôi đã đặt cho mình hoặc đổi lại họ tên do cha mẹ ruột đã đặt cho mình.

Trường hợp con nuôi được giao cho cha mẹ đẻ thì các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi của cha mẹ đẻ đã chấm dứt theo quy định được khôi phục.

Xét về tài sản: Trường hợp con nuôi có tài sản riêng thì được nhận lại tài sản đó; nếu con nuôi có công lao đóng góp vào khối tài sản chung của cha mẹ nuôi thì được hưởng phần tài sản tương xứng với công lao đóng góp theo thỏa

thuận với cha mẹ nuôi; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật dân sự.”

2.7. Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

2.7.1 Các trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Theo pháp luật Việt Nam quy định thì người xin nhận con nuôi phải thường trú ở những nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam. Cụ thể, Điều 28 Luật nuôi con nuôi 2010 về Các trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài như sau: “1. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước cùng là thành viên của điều ước quốc tế về nuôi con nuôi với Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi; 2. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài được nhận con nuôi đích danh trong các trường hợp sau đây: a) Là cha dượng, mẹ kế của người được nhận làm con nuôi; b) Là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi; c) Có con nuôi là anh, chị, em ruột của trẻ em được nhận làm con nuôi; d) Nhận trẻ em khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo khác làm con nuôi; đ) Là người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm; 3. Công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.”

2.7.2 Điều kiện đối với người nhận con nuôi

Đối với người nhận nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, điều kiện của người nhận con nuôi phải đáp ứng được: “1. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài nhận người Việt Nam làm con nuôi phải có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nước nơi người đó thường trú và quy định tại Điều 14 của Luật này; 2. Công dân Việt Nam nhận người nước ngoài làm con nuôi phải có đủ các điều kiện theo quy định tại điều 14 của Luật này và pháp luật của nước nơi người được nhận làm con nuôi thường trú.” Chỉ khi đáp ứng được các điều kiện trên theo Điều 29 Luật nuôi con nuôi năm 2010 thì mới được nhận và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

2.7.3 Hồ sơ của người nhận con nuôi

Khi đã đủ điều kiện nhận nuôi con nuôi thì người nhận nuôi con nuôi cần chuẩn bị hồ sơ để tiến hành thủ tục nhận nuôi con nuôi. Hồ sơ của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài nhận người Việt Nam làm con nuôi phải có các giấy tờ, tài liệu sau đây: “1. Hồ sơ của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài nhận người Việt Nam làm con nuôi phải có các giấy tờ, tài liệu sau đây: a)

Đơn xin nhận con nuôi; b) Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; c) Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam; d) Bản điều tra về tâm lý, gia đình; đ) Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe; e) Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản; g) Phiếu lý lịch tư pháp; h) Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân; i) Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được xin đích danh quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật này; 2. Các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 điều này do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú lập, cấp hoặc xác nhận. 3. Hồ sơ của người nhận con nuôi được lập thành 02 bộ và nộp cho Bộ Tư pháp thông qua cơ quan trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú; trường hợp nhận con nuôi đích danh quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Luật này thì người nhận con nuôi có thể trực tiếp nộp hồ sơ cho Bộ Tư pháp.”

Giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ của người nhận con nuôi, hồ sơ của tổ chức con nuôi nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp hoặc xác nhận phải được hợp pháp hoá lãnh sự khi sử dụng ở Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

2.7.4 Hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi nước ngoài

Hồ sơ của trẻ em được giới thiệu làm con nuôi nước ngoài do cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ lập đối với trẻ em sống tại gia đình; do cơ sở nuôi dưỡng lập đối với trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng. Căn cứ Luật nuôi con nuôi 2010 quy định tại Điều 32 về hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi nước ngoài thì: “1. Hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi nước ngoài gồm có: a) Các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này; b) Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em; c) Tài liệu chứng minh đã thực hiện việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em theo quy định tại khoản 2 điều 15 của Luật này nhưng không thành. 2. Hồ sơ quy định tại khoản 1 điều này được lập thành 03 bộ và nộp cho Sở Tư pháp nơi người được giới thiệu làm con nuôi thường trú. 3. Cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ lập hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi sống tại gia đình; cơ sở nuôi dưỡng lập hồ sơ của trẻ em được giới thiệu làm con nuôi sống tại cơ sở nuôi dưỡng.”

2.7.5 Trình tự, thủ tục nhận nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Từ Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, 2000 cho tới Luật Nuôi con nuôi, việc đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh nơi thường trú của trẻ em được cho làm con nuôi, trường hợp trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, thì UBND cấp tỉnh nơi có trụ sở nuôi dưỡng ra quyết định cho trẻ em đó làm con nuôi. Sở Tư pháp thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi nước ngoài sau khi có quyết định của UBND cấp tỉnh. Thẩm quyền đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài mang tính ổn định và được kế thừa qua các giai đoạn phát triển của pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Trình tự, thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc ưu tiên cho trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em và nuôi con nuôi nước ngoài là giải pháp cuối cùng khi không tìm được gia đình thay thế trong nước. Nghị định số 24/2019/NĐ-CP đã bãi bỏ việc giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài theo danh sách 1 và danh sách 2, không phân biệt tình trạng sức khỏe của trẻ em. Việc giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài được thực hiện theo thủ tục giới thiệu trẻ em (matching) theo Điều 36 của Luật nuôi con nuôi nhằm bảo đảm trẻ em ưu tiên nuôi con nuôi trong nước trước khi giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài và thủ tục nhận con nuôi đích danh ở các cơ sở nuôi dưỡng (chỉ những trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo và khuyết tật theo khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP, đủ điều kiện pháp lý mới được giải quyết đích danh làm con nuôi nước ngoài. Những trẻ em mắc bệnh tật hoặc khuyết tật không thuộc khoản 1 Điều 3 được giải quyết theo thủ tục giới thiệu trẻ em).

** Đối với giải quyết các trường hợp con riêng, cháu ruột cho làm con nuôi nước ngoài, người nước ngoài sinh sống, làm việc ở Việt Nam từ trên 01 năm trở lên*

Sau khi nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi đã được Cục Con nuôi thẩm định và chấp thuận, Sở Tư pháp tiến hành thủ tục xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài; chuyển văn bản xác nhận trẻ em đủ điều kiện kèm theo hồ sơ trẻ em, văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của trẻ em từ đủ chín tuổi trở lên về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi.

Cục Con nuôi kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 24/2019/NĐ-CP và tiến hành thủ tục thông báo cho Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi quốc tế của nước ngoài để có được ý kiến chấp thuận theo Điều 17c Công ước La Hay. Đối với những nước không phải là thành viên Công ước La Hay, Cục Con nuôi đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp ý kiến đồng ý cho phép trẻ em nhập cảnh cùng cha mẹ nuôi.

Pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi của nước ta thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc, hướng tới bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ nuôi con nuôi, đặc biệt là lợi ích của trẻ em được nhận làm con nuôi. Pháp luật nuôi con nuôi điều chỉnh một quá trình từ việc xác lập, thực hiện và có thể chấm dứt việc nuôi con nuôi.. Nhà nước tạo mọi điều kiện để các bên trong quan hệ nuôi con nuôi thực hiện được các quyền và nghĩa vụ đó của mình, nhằm bảo đảm sự ổn định cuộc sống của các chủ thể, đặc biệt là cuộc sống của trẻ em được nhận nuôi và hình thành một gia đình bền vững. Phân tích quy định của pháp luật nuôi con nuôi hiện hành cho thấy nhiều quy định của pháp luật thực định chưa giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nuôi con nuôi, vì vậy việc hoàn thiện hơn nữa pháp luật nuôi con nuôi của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là yêu cầu cấp thiết, khách quan.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI Ở VIỆT NAM

3.1 Thực trạng về nuôi con nuôi ở Việt Nam

3.1.1 Kết quả hoạt động đăng ký nuôi con nuôi

Kết quả đăng ký nuôi con nuôi trong nước: Việc nhận và nuôi con nuôi dựa trên tinh thần nhân đạo và tự nguyện xác lập quan hệ cha mẹ con nuôi lâu dài, bền vững nhằm bảo đảm cho trẻ em được nhận làm con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con nuôi trong môi trường gia đình yêu thương và ổn định.

Kể từ khi thực hiện Luật Nuôi con nuôi đến nay (giai đoạn 2011-2020), trên toàn quốc đã giải quyết 26.623 trẻ em làm con nuôi trong nước, chiếm hơn 87,2% trong tổng số 30.519 trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi trong nước và con nuôi nước ngoài. Qua số liệu này cho thấy, số lượng trẻ em được cho làm con nuôi trong nước cao hơn rất nhiều so với số lượng trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài.

Về nơi cư trú của trẻ em được nhận làm con nuôi: Trong số 26.623 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được giải quyết cho làm con nuôi trong nước, 78,9% trẻ em sống ở gia đình gốc (21.005 trường hợp), 3,7% trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng (1.005 trường hợp/10 năm), 17,4% trẻ em ở nơi khác (4.613 trường hợp). Qua số liệu này cho thấy, đa số trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước thuộc diện sống ở gia đình gốc trước khi được nhận làm con nuôi, thường là trẻ em có quan hệ họ hàng với người nhận con nuôi hoặc trẻ em có cha mẹ đẻ, người giám hộ không đủ khả năng nuôi dưỡng. Đối với trẻ em ở nơi khác được nhận làm con nuôi chủ yếu trẻ em thuộc diện bị bỏ rơi, trẻ em được giao chăm sóc tạm thời hoặc trẻ em có mẹ đẻ đơn thân, đang đi học hoặc chưa có công việc ổn định [3].

Về độ tuổi của trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước, 48% trẻ em dưới 01 tuổi (12.620 trường hợp), gần 29% trẻ em từ 01-05 tuổi (7.794 trường hợp) và 23% trẻ em từ 05 tuổi trở lên (6.209 trường hợp). Qua số liệu này cho thấy, số trẻ em dưới 01 tuổi được nhận làm con nuôi chiếm phần lớn. Điều này xuất phát từ tâm lý của người nhận con nuôi thường có nguyện vọng nhận trẻ em càng nhỏ tuổi càng tốt, vì con nuôi sẽ dễ dàng hòa nhập với gia đình cha mẹ nuôi hơn, đồng thời cha mẹ nuôi cũng có thể giữ bí mật về nguồn gốc của con nuôi khi con nuôi còn nhỏ để bảo đảm sự phát triển bình thường của con nuôi, con nuôi không phải tự ti về thân phận của mình. Đối với trẻ em trên 5 tuổi được

nhận làm con nuôi chủ yếu là trẻ em có quan hệ họ hàng, thân thích với người nhận con nuôi.

Về giới tính của trẻ em được nhận làm con nuôi, trong tổng số 26.623 trẻ em được nhận làm con nuôi, khoảng 52% trẻ em có giới tính nam (13.903 trường hợp) và khoảng 48% trẻ em có giới tính nữ (12.720 trường hợp).

Về tình trạng sức khỏe, hầu hết trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước có sức khỏe bình thường, chỉ một số ít trẻ em mắc bệnh. Trong giai đoạn 2011- 2018, có 20.583 trẻ em có sức khỏe bình thường được nhận làm con nuôi (chiếm 99,1%), trong khi đó chỉ 186 trẻ em (chiếm khoảng 0,9 %) mắc bệnh được nhận làm con nuôi. Trên thực tế, hầu hết cha mẹ nuôi trong nước đều lựa chọn trẻ em rất kỹ về diện mạo, độ tuổi và đặc biệt là tình trạng sức khỏe.

Về tình hình phát triển của trẻ em được cho làm con nuôi trong nước, qua số liệu khảo sát, thống kê và qua công tác quản lý nhà nước cho thấy, 69,5% trẻ em được nhận làm con nuôi phát triển tốt, 21,8% trẻ em có mức độ phát triển bình thường và số lượng các trường hợp nuôi con nuôi không thành công chỉ ở mức độ rất thấp (0,3%). Hầu hết trẻ em được nhận làm con nuôi hòa nhập tốt với môi trường gia đình cha mẹ nuôi, do trẻ em được nhận làm con nuôi từ khi còn rất nhỏ tuổi. Các cha mẹ nuôi yêu thương, chăm sóc con nuôi như con ruột của mình; luôn quan tâm, lo lắng tới sự phát triển và hòa nhập của con nuôi.

Kết quả đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: Trong giai đoạn 2011-2020, trên toàn quốc đã giải quyết được 3.896 trẻ em làm con nuôi nước ngoài theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và 542 trường hợp giải quyết trong năm 2011 theo quy định của Nghị định 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (trước khi Luật Nuôi con nuôi được ban hành). So với tổng số các trường hợp giải quyết nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi nước ngoài, thì kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài chỉ chiếm hơn 12% (3.896/30.519 trường hợp). Trong số 3.896 trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài, có 2.811 trường hợp trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài sống tại các cơ sở nuôi dưỡng (chiếm 72,1%); 1.085 trẻ em sống tại gia đình, trong đó 1.071 trẻ em thuộc diện là con riêng, cháu ruột của người nhận con nuôi (chiếm 27.9%). [4]

Về độ tuổi của trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài, 23,84% dưới 01 tuổi (929 trẻ em), 41,17% ở độ tuổi từ 01 - 05 tuổi (1.604 trẻ em), 11,17% ở độ tuổi từ 05 - 10 tuổi (435 trẻ em), 23,82% từ 10 tuổi trở lên (928 trẻ em). Về

giới tính, trẻ em nữ chiếm 50,51% và trẻ em nam chiếm 49,49%. Về tình hình sức khỏe, đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng được giải quyết cho làm con nuôi ở nước ngoài, 61,1% thuộc diện khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo (2.382 trẻ em), 11,4% có sức khỏe bình thường (443 trẻ em). Đối với 1071 trẻ em thuộc các trường hợp là con riêng hoặc cháu ruột của người nhận con nuôi thì chủ yếu có sức khỏe bình thường. Việc giải quyết cho trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt làm con nuôi nước ngoài vừa tạo cơ hội để trẻ em được sống trong môi trường gia đình cha mẹ nuôi phù hợp, vừa tạo điều kiện cho trẻ em sớm được điều trị bệnh, khuyết tật trong điều kiện y tế hiện đại của nước ngoài, trong khi ở Việt Nam khó có thể có được những điều kiện chữa trị cho các cháu.

Về thủ tục giải quyết, theo thủ tục đích danh đã giải quyết được 3.453/3.896 (chiếm hơn 88%) trong đó có 2.382 trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo (chiếm gần 69%) và 1.071 trẻ em ở gia đình thuộc các trường hợp là con riêng hoặc cháu ruột của người nhận con nuôi (chiếm gần 32%); đã giải quyết 443 trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi nước ngoài (chiếm gần 12 %) theo thủ tục giới thiệu trẻ em. Trong năm 2020 kể từ khi thực hiện Nghị định số 24/2019/NĐ-CP, số lượng trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng được giải quyết theo thủ tục giới thiệu (116/156) tăng gấp 3 lần so với số lượng trẻ em được giải quyết theo thủ tục đích danh (40/156). Kết quả đạt được thể hiện hướng đi đúng đắn trong việc sửa đổi quy định pháp luật nhằm thi hành tốt Luật Nuôi con nuôi và Công ước La Hay.

3.1.2 Một số tồn tại trong hoạt động nuôi con nuôi

- Đối với công tác giải quyết nuôi con nuôi trong nước

Thứ nhất, số lượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở cơ sở nuôi dưỡng được giải quyết cho làm con nuôi trong nước còn rất hạn chế. Trong cả giai đoạn 2011-2020, trong tổng số 26.623 trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi trong nước chỉ có khoảng 3,7% trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng. Như vậy, trung bình mỗi năm chỉ có khoảng 0,37% trẻ em được giải quyết nuôi con nuôi trong nước thuộc diện sống ở cơ sở nuôi dưỡng (khoảng 100 trẻ em/năm). Trong khi đó, theo báo cáo rà soát của các Sở Tư pháp, hiện nay trên toàn quốc có khoảng 4.411 trẻ em cần tìm gia đình thay thế đang sống tại 97 cơ sở nuôi dưỡng công lập và 216 cơ sở nuôi dưỡng ngoài công lập [6]. Mặc dù còn một số lượng lớn trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng ngoài công lập, đặc biệt là cơ sở tôn giáo nhưng chưa có biện pháp hữu hiệu để tìm gia đình thay thế cho nhóm trẻ em này; còn gặp khó khăn trong rà soát trẻ em đang sinh sống ở cộng đồng có nhu cầu nhận

làm con nuôi để chuyển hình thức chăm sóc thay thế. Nhiều địa phương phản ánh không có hoặc không có nhiều trường hợp đăng ký nhu cầu nhận trẻ mở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi .

Thứ hai, vẫn còn tình trạng thỏa thuận cho nhận con nuôi, chỉ có giấy tờ viết tay hoặc tự ý đem trẻ em bị bỏ rơi về chăm sóc nuôi dưỡng, hoặc cho nhận con nuôi trao tay (mẹ đẻ sinh con tại cơ sở y tế và đem con cho người khác); hoặc lợi dụng việc cấp giấy chứng sinh để hợp thức “cha mẹ nuôi” thành cha mẹ đẻ mà không thông qua thủ tục đăng ký nuôi con nuôi diễn ra ở địa phương . Do không tiến hành thủ tục đăng ký nuôi con nuôi cho nên mối quan hệ pháp lý giữa trẻ em và người nuôi dưỡng không được xác lập. Điều này ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của trẻ em. Sau một thời gian dài nuôi dưỡng, người nhận con nuôi mới yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi để đảm bảo trẻ em có giấy tờ hộ tịch, đặc biệt là giấy khai sinh có tên cha mẹ nuôi. Bộ Tư pháp nhận định đây là thực trạng nuôi dưỡng chăm sóc trái pháp luật, không có sự tham gia của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở khâu giao nhận trẻ em nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ ảnh hưởng tới quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em. Thực trạng này gây khó khăn cho cơ quan nhà nước khi giải quyết yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi. Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều trường hợp nuôi con nuôi thực tế chưa được đăng ký sau khi hết thời hạn 31/12/2015 do nhiều nguyên nhân khác nhau.

Thứ ba, trách nhiệm hỗ trợ việc nuôi con nuôi trong nước (như tư vấn thủ tục lập hồ sơ, trình tự thủ tục, đánh giá nhu cầu và điều kiện của người nhận con nuôi, báo cáo tình hình phát triển của con nuôi) chưa được thực hiện một cách chuyên nghiệp, chủ yếu do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện. Do hạn chế về nguồn lực con người và trình độ chuyên môn (công chức tư pháp-hộ tịch chỉ có trình độ pháp lý) nên Ủy ban nhân dân cấp xã không thể thực hiện một cách chuyên nghiệp và hiệu quả những hoạt động hỗ trợ trong lĩnh vực công tác xã hội và tâm lý. Thực trạng này dẫn đến việc thiếu sự kết nối giữa trẻ em có nhu cầu tìm gia đình thay thế với nguyện vọng của những người có nhu cầu nhận con nuôi, sự thiếu chuyên nghiệp trong công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước và ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác giải quyết nuôi con nuôi.

Thứ tư, đại dịch Covid-19 ảnh hưởng đến tiến độ cũng như chất lượng giải quyết việc nuôi con nuôi. Do phải áp dụng các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 nên người dân gặp khó khăn trong việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi, công chức tư pháp - hộ tịch cũng khó có thể trực tiếp tư vấn, lấy

ý kiến của những người liên quan về việc cho trẻ em làm con nuôi theo đúng thời hạn quy định do phải làm việc trực tuyến.

- *Đối với công tác giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài*

Thứ nhất, công tác giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài đối với trẻ em ở các cơ sở nuôi dưỡng chưa được triển khai đồng đều trên toàn quốc. Số lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia giải quyết cho trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi chỉ chiếm 68% (43/63 tỉnh/thành phố). Trong số 43 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài thì 16/43 tỉnh/thành phố giải quyết dưới 15 trường hợp/10 năm, tức là trung bình chỉ giải quyết 1,5 trường hợp/năm. Về các cơ sở nuôi dưỡng, theo số liệu thống kê của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, trên toàn quốc có 425 cơ sở nuôi dưỡng (bao gồm 195 cơ sở công lập và 230 cơ sở ngoài công lập). Tuy nhiên, tính đến nay thường xuyên chỉ có khoảng 20 cơ sở nuôi dưỡng tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài (chỉ chiếm khoảng 4,7% tổng số các cơ sở nuôi dưỡng trên toàn quốc), trong khi vẫn còn một số lượng lớn trẻ em cần tìm gia đình thay thế, đặc biệt là ở các cơ sở ngoài công lập, cơ sở tôn giáo. Thực trạng này dẫn đến nhiều trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt phải sống tập trung lâu dài ở cơ sở nuôi dưỡng, ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện và lâu dài của trẻ em.

Thứ hai, việc bố trí kinh phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài ở địa phương chưa được quan tâm: Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài, kinh phí thực hiện công tác giải quyết việc nuôi con nuôi nói chung và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nói riêng do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, theo phản ánh của một số địa phương, việc bố trí kinh phí cho hoạt động giải quyết việc nuôi con nuôi chưa được bảo đảm do một số hoạt động giải quyết việc nuôi con nuôi chưa được quy định mức chi; thủ tục rút kinh phí phức tạp; phần kinh phí chuyển chưa đảm bảo chi phí cho việc xác minh, tổ chức tiến hành lấy ý kiến đồng ý, bàn giao, xác minh lại, khám sức khỏe cho trẻ em. Việc sử dụng chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo quy định tại Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP cũng còn gặp rất nhiều khó khăn do những lý do cơ bản sau: cơ quan tài chính địa phương phân bổ kinh phí muộn, Sở Tư pháp không kịp sử dụng; phải tạm ứng từ nguồn khác nhưng sau đó không quyết

toán được; không được hưởng khoản kinh phí này; chưa có hướng dẫn thủ tục lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí giải quyết việc nuôi con nuôi; nguồn kinh phí chưa đủ để đảm bảo thực hiện các hoạt động liên quan đến công tác giải quyết việc nuôi con nuôi .

Thứ ba, dịch bệnh Covid – 19 có những tác động đáng kể đối với công tác giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Số lượng trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài bị sụt giảm , việc lập danh sách, hồ sơ của trẻ em để thực hiện thủ tục tìm gia đình thay thế bị kéo dài, nhiều cơ sở nuôi dưỡng chậm, hoặc không lập hồ sơ của trẻ em do không thể cho trẻ em đi khám bệnh. Việc giải quyết hồ sơ bị kéo dài, hoặc bị chậm chễ do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thực hiện giãn cách xã hội và triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Đối với cha mẹ nuôi nước ngoài, nhiều trường hợp đã có Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc cho nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nhưng cha mẹ nuôi không thể thực hiện được thủ tục giao nhận con nuôi do cha mẹ nuôi nước ngoài không thể nhập cảnh vào Việt Nam để thực hiện thủ tục giao nhận con nuôi.

3.2 Một số đề xuất hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi và tổ chức thực hiện

3.2.1 Các đề xuất pháp lý về nuôi con nuôi

Để đảm bảo và đáp ứng được quyền, lợi ích tốt nhất của trẻ em nhận nuôi, đồng thời nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật nuôi con nuôi phù hợp với thực tiễn và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì cần sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đối với quy định về điều kiện nuôi con nuôi

Theo quy định của pháp luật hiện hành về nuôi con nuôi, các điều kiện nuôi con nuôi bao gồm điều kiện đối với người được nhận làm con nuôi, đối với người nhận nuôi và ý chí của các chủ thể có liên quan trong việc cho - nhận con nuôi. Đối với các quy định này, cần có sự quy định cụ thể, rõ ràng hơn về các nội dung sau:

+ Về điều kiện đối với người được nhận nuôi

Theo quy định tại Điều 8 Luật Nuôi con nuôi chỉ có duy nhất về độ tuổi của người được nhận làm con nuôi mà không quy định bất kỳ điều kiện gì khác. Điều đó dẫn tới nhận thức là trẻ em ở độ tuổi dưới 16 tuổi đều được nhận làm con nuôi, bất kể cha mẹ có khả năng nuôi dưỡng hay không. Nhận thức này trái

với nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Nuôi con nuôi là giải quyết việc nuôi con nuôi cần tôn trọng quyền được sống trong gia đình gốc của trẻ em. Những việc cho nhận con nuôi này không phù hợp với bản chất của việc nuôi con nuôi là xác lập quan hệ cha mẹ và con mới thay thế cho quan hệ cha mẹ và con về huyết thống và tạo điều kiện cho trẻ em sống trong gia đình thay thế khi trẻ em không thể được cha mẹ đẻ chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, cần bổ sung thêm quy định về hoàn cảnh gia đình của người được nhận nuôi bên cạnh quy định về độ tuổi. Chỉ khi trẻ em trong những hoàn cảnh đặc biệt mới được cho làm con nuôi người khác.

Hoàn cảnh gia đình của trẻ em được giải quyết làm con nuôi được xác định tương ứng với trẻ em cần được chăm sóc thay thế theo quy định tại Điều 62 Luật Trẻ em.. Quy định này tạo cơ sở pháp lý cho việc cơ quan có thẩm quyền từ chối giải quyết việc nuôi con nuôi khi cha mẹ đẻ của trẻ vẫn có đủ khả năng, điều kiện về kinh tế, sức khỏe để chăm sóc, nuôi dưỡng con, tránh được hiện tượng lợi dụng việc nuôi con nuôi nhằm mục đích khác hoặc trục lợi.

Đối với trẻ em làm con nuôi nước ngoài cũng phải đảm bảo tuân thủ quy định về độ tuổi theo Điều 8 Luật Nuôi con nuôi. Tuy nhiên, việc quy định trẻ em từ 5 tuổi trở lên hoặc có hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột cần tìm gia đình thay thế thì được giải quyết làm con nuôi nước ngoài ngay mà không cần thực hiện thủ tục tìm gia đình thay thế trong nước trước cho các em đã tước bỏ khả năng các em có thể được nhận nuôi trong nước đồng thời không phù hợp với quy định của Công ước La Hay. Vì vậy cần sửa đổi quy định này theo hướng trẻ em từ 5 tuổi trở lên hoặc có hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột cần tìm gia đình thay thế thì phải thực hiện thủ tục tìm gia đình thay thế ở trong nước trước cho các em. Chỉ khi không tìm được gia đình thay thế trong nước thì mới giải quyết cho những trẻ em này làm con nuôi ở nước ngoài.

+ Về điều kiện đối với người nhận nuôi

Cần quy định rõ ràng, cụ thể về điều kiện kinh tế, sức khỏe của người nhận nuôi con nuôi. Điều kiện kinh tế, chỗ ở của người nhận nuôi có thể được xác định trên cơ sở người nhận nuôi con nuôi có chỗ ở ổn định, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng kinh tế đảm bảo mức sống trung bình tối thiểu cho con nuôi theo mức sống trung bình tại địa phương nơi người nhận nuôi cư trú. Về điều kiện sức khỏe của người nhận nuôi, cần quy định người mắc một số bệnh có nguy cơ lây nhiễm cao như viêm gan B, C, nhiễm HIV/AIDS thì không nên cho nhận nuôi con nuôi vì có khả năng lây nhiễm sang trẻ em, nhất là khi các em

không có khả năng tự chăm sóc, bảo vệ mình, đồng thời bản thân người nhận nuôi vì mắc bệnh cũng không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các em. Trong thực tế, người bị mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác dẫn đến có khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi nhưng chưa bị Tòa án tuyên là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi thì có được nhận nuôi con nuôi hay không? Những trường hợp này khó có thể trở thành người cha, người mẹ tốt, đủ khả năng giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ; trong một số trường hợp người bị bệnh tâm thần còn có khả năng gây nguy hiểm cho trẻ, do việc họ không ý thức và kiểm soát được hành vi của mình. Vì lợi ích tốt nhất của trẻ em được nhận nuôi, pháp luật cần quy định những người mắc bệnh tâm thần dù chưa bị Tòa án tuyên bố mất NLHVDS hoặc chưa bị Tòa án tuyên là người có khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi thì không cho họ nhận nuôi con nuôi.

Cần xác định về độ tuổi và khoảng cách giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi trong trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi thì trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi không áp dụng điều kiện về độ tuổi (hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên). Bên cạnh quy định về khoảng cách tối thiểu giữa người nhận nuôi con nuôi và người được nhận làm con nuôi, cần quy định tuổi tối đa được nhận nuôi con nuôi của người nhận nuôi. Người nhận nuôi con nuôi phải hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên và không quá 60 tuổi. Với độ tuổi này, người nhận nuôi có đủ điều kiện về sức khỏe đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi, đảm bảo khoảng cách tuổi tác phù hợp về mặt sinh học với con nuôi và việc nhận nuôi con nuôi mới có tính khả thi.

Về ý chí của các chủ thể thuộc gia đình gốc của người được nhận làm con nuôi: Điều 21 Luật Nuôi con nuôi quy định: việc nhận nuôi con nuôi phải được sự đồng ý của cha mẹ đẻ của người được nhận làm con nuôi, nếu cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã chết, mất tích, mất NLHVDS hoặc không xác định được thì phải có sự đồng ý của người còn lại; nếu cả cha mẹ đều chết, mất tích, mất NLHVDS hoặc không xác định được thì phải được sự đồng ý của người giám hộ, trường hợp trẻ em từ đủ 9 tuổi trở lên làm con nuôi thì còn phải được sự đồng ý của trẻ em đó. Trong thực tế có trường hợp cha hoặc mẹ hoặc cả cha mẹ đã ly hôn, người trực tiếp nuôi con chết, người còn lại không liên lạc được, nhưng không còn ai để xác

định là mất tích thì khi có người xin nhận con nuôi sẽ rất khó giải quyết. Trường hợp này không thuộc trường hợp trẻ em bị bỏ rơi hoặc trường hợp trẻ em bị mồ côi theo quy định tại Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi. Vì vậy, pháp luật nuôi con nuôi cần có những bổ sung và hướng dẫn cụ thể cho trường hợp này theo hướng: khi một bên cha mẹ trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng con và khi có người muốn nhận trẻ em làm con nuôi, có thể thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn nhất định mà không có hồi âm thì có thể cho đưa trẻ đi làm con nuôi. Ngoài ra, độ tuổi xin ý kiến trẻ em nên hạ xuống là 7 tuổi cho phù hợp với quy định của Luật HN&GD năm 2014.

- Đối với việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

+ Bổ sung các biện pháp nhằm tăng cường tính minh bạch về tài chính trong việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Theo khoản 2 Điều 12 Luật Nuôi con nuôi, người nước ngoài không thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi phải nộp lệ phí đăng ký nuôi con nuôi và phải trả một khoản tiền để bù đắp một phần chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài, bao gồm chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ khi được giới thiệu làm con nuôi đến khi hoàn thành thủ tục giao nhận con nuôi, xác minh nguồn gốc của người được giới thiệu làm con nuôi, giao nhận con nuôi và thù lao hợp lý cho nhân viên của cơ sở nuôi dưỡng.

Tuy nhiên, khoản 2 Điều 48 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã quy định miễn chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài nếu người nước ngoài không thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em nhiễm HIV/AIDS làm con nuôi. Trong thời gian qua, đa số trẻ em được giải quyết làm con nuôi nước ngoài thuộc diện khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em nhiễm HIV/AIDS nên được miễn chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài. Việc miễn chi phí đối với các trường hợp này cũng gây thêm khó khăn cho cơ sở nuôi dưỡng về kinh phí giải quyết nuôi con nuôi (thiếu kinh phí khám sức khỏe, chăm sóc và chữa trị y tế cho trẻ em, thiếu kinh phí bổ sung cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ, cải thiện điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cho trẻ em ở cơ sở trợ giúp xã hội). [1] Ngoài ra, việc miễn chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài tạo sự phân biệt trong công tác giải quyết nuôi con nuôi, có thể dẫn đến việc người nhận con nuôi chi trả trực tiếp khoản chi phí được miễn đó cho cơ sở nuôi dưỡng. Do đó, việc minh bạch tài chính là một yêu cầu cơ bản trong thủ tục giải quyết nuôi con nuôi quốc tế, đồng thời việc giải quyết nuôi con nuôi quốc tế phải tách bạch với các khoản hỗ trợ nhân đạo, cho tặng và hỗ

trợ kỹ thuật. Nhằm bảo đảm việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tuân thủ đúng chuẩn mực của Công ước La Hay, phòng tránh việc lợi dụng trẻ em cho làm con nuôi để thực hiện nạn buôn bán trẻ em, cần có các biện pháp tăng cường tính minh bạch về tài chính trong hoạt động cho nhận con nuôi, đặc biệt là các khoản cho tặng sau khi nhận con nuôi của cha mẹ nuôi người nước ngoài.

+ Bổ sung quy định về hệ quả của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Hệ quả của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là một nội dung quan trọng liên quan đến nhân thân và tình trạng hộ tịch, quốc tịch của trẻ em, nhằm đảm bảo cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài có sự gắn bó và hòa nhập trọn vẹn với gia đình cha mẹ nuôi nước ngoài. Trong quá trình xây dựng dự thảo Luật Nuôi con nuôi, Chính phủ đã đề xuất việc giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài theo hình thức con nuôi trọn vẹn nhằm bảo đảm quyền và lợi ích của trẻ em. [2] Tuy nhiên, Quốc hội đã không thông qua đề xuất đó của Chính phủ, đồng thời cũng không xây dựng quy định thay thế trong dự thảo Luật. Điều này dẫn đến Luật Nuôi con nuôi không có quy định về hệ quả của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Do đó, việc bổ sung quy định về hệ quả của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là cần thiết nhằm quy định rõ về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi nước ngoài với con nuôi, việc cắt đứt hoàn toàn mối quan hệ tồn tại trước đó giữa con nuôi và cha mẹ đẻ (trừ trường hợp nhận con riêng/cháu ruột làm con nuôi), thay đổi hộ tịch cho con nuôi, quốc tịch của trẻ em được nhận làm con nuôi ở nước ngoài. Đồng thời cũng cần bổ sung thêm quy định hệ quả của các quyết định nuôi con nuôi được tuyên bố bởi cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Cần quy định rõ việc đương nhiên/không đương nhiên công nhận các quyết định nuôi con nuôi do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, quy định các điều kiện để xem xét công nhận các quyết định đó trước khi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện việc ghi chú việc nuôi con nuôi đã được thực hiện ở nước ngoài, nhằm tránh cho các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ghi chú các quyết định nuôi con nuôi ở nước ngoài nhưng trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

- Hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi

Hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi tùy thuộc vào hình thức của việc nuôi con nuôi đơn giản hay trọn vẹn. Pháp luật hiện hành của nước ta không quy

định về hình thức nuôi con nuôi trọn vẹn, nhưng chủ trương, quan điểm xây dựng luật và tinh thần của điều luật thể hiện sự hướng tới xác lập việc nuôi con nuôi trọn vẹn. Điều đó được thể hiện qua quy định tại Điều 24 Luật Nuôi con nuôi. Việc điều chỉnh hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi không hoàn toàn phù hợp với ý chí, mong muốn của các bên chủ thể.

Do đó, pháp luật nuôi con nuôi cần được sửa đổi, bổ sung một số nội dung về hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi, cụ thể như sau:

Một là, cần quy định một cách tổng quát về các hình thức nuôi con nuôi, đó là nuôi con nuôi trọn vẹn và nuôi con nuôi đơn giản. Pháp luật có thể quy định cả hai hình thức nuôi con nuôi đó, song là hình thức nào thì phải rõ ràng, dứt khoát với các đặc trưng cơ bản của nó. Sự lựa chọn hình thức nuôi con nuôi nào do các bên đương sự quyết định trên cơ sở ý chí tự nguyện của chính mình khi xác lập việc nuôi con nuôi giữa các bên. Sự lựa chọn hình thức nuôi con nuôi được thể hiện qua ý chí của cha mẹ đẻ trong việc đồng ý hay không đồng ý việc nuôi con nuôi dẫn đến hệ quả làm chấm dứt toàn bộ các mối quan hệ pháp lý trước đó giữa cha mẹ đẻ với trẻ em được cho làm con nuôi. Điều này là cơ sở cho việc quy định các quyền và nghĩa vụ cụ thể của các bên trong từng hình thức nuôi con nuôi.

Hai là, cần quy định rõ về hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi theo hai hình thức nuôi con nuôi trọn vẹn và nuôi con nuôi đơn giản. Trong mỗi hình thức cần quy định rõ quyền và nghĩa vụ giữa con nuôi với cha mẹ nuôi, giữa con nuôi với các thành viên khác trong gia đình cha mẹ nuôi; giữa con đã làm con nuôi với cha mẹ đẻ.

- Chấm dứt việc nuôi con nuôi

Chấm dứt việc nuôi con nuôi là một việc làm không mong muốn trong quan hệ giữa cha mẹ và con nhưng lại là cần thiết đặt ra trong một số trường hợp để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên. Luật Nuôi con nuôi đã có những quy định về căn cứ, chủ thể có quyền yêu cầu và hậu quả pháp lý khi chấm dứt việc nuôi con nuôi. Nhìn chung, các quy định này đã tạo điều kiện thuận lợi cho Tòa án giải quyết vấn đề chấm dứt việc nuôi con nuôi một cách thống nhất, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cha mẹ nuôi và con nuôi. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng các quy định về chấm dứt nuôi con nuôi đã bộc lộ một số bất cập trong quy định của Luật Nuôi con nuôi cũng như việc giải quyết của Tòa án. Để giải quyết vấn đề chấm dứt việc nuôi con nuôi phù hợp hơn với bản

chất của quan hệ giữa cha mẹ và con, bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan, trước hết cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số nội dung:

+ Về căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi

Cần bổ quy định về căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Nuôi con nuôi vì căn cứ này không phù hợp với thực tế thực hiện việc nuôi con nuôi, không phù hợp với tâm lý, tình cảm giữa cha mẹ nuôi và con nuôi. Về hành vi của con nuôi phá tán tài sản của cha mẹ nuôi, cần sửa đổi theo hướng chỉ coi là căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi khi hành vi vi phạm của con nuôi có tính chất thường xuyên và nghiêm trọng. Tính nghiêm trọng của hành vi của con nuôi thể hiện ở chỗ hành vi đó xảy ra nhiều lần, mặc dù được giáo dục nhưng con nuôi vẫn tái phạm hoặc con nuôi đã bị kết án về hành vi này với lỗi cố ý, làm cho tình cảm của cha mẹ nuôi đối với con nuôi không còn nữa. Việc sửa đổi quy định như vậy sẽ phù hợp hơn với bản chất của quan hệ giữa cha mẹ và con là ổn định, bền vững, bảo đảm cho người con nuôi được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Để phù hợp hơn với bản chất pháp lý của biện pháp chấm dứt việc nuôi con nuôi, cần bổ căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi được quy định tại khoản 4 Điều 25 Luật Nuôi con nuôi.

+ Về chủ thể có quyền yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi

Cần sửa đổi quy định theo hướng tôn trọng ý kiến của cha mẹ nuôi và con nuôi. Theo đó, cha mẹ đẻ của con nuôi; cơ quan lao động, thương binh và xã hội và hội liên hiệp phụ nữ chỉ có quyền yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi khi con nuôi hoặc cha mẹ nuôi không thể tự mình yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi (do con nuôi chưa thành niên hoặc con nuôi đã thành niên nhưng mất NLHVDS; cha mẹ nuôi bị mất NLHVDS; con nuôi, cha mẹ nuôi không dám yêu cầu vì bị đe dọa)

Cần bổ sung quy định về kê khai tài sản riêng của con nuôi khi đăng ký việc nuôi con nuôi nhằm bảo vệ đầy đủ quyền của con nuôi, nhất là khi xảy ra vấn đề chấm dứt việc nuôi con nuôi. Pháp luật hiện hành không có quy định nào về kê khai tài sản của con nuôi; trong các biểu mẫu Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cũng như Biên bản giao nhận con nuôi (nuôi con nuôi trong nước cũng như nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài) ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 29/12/2014 đều không có mục nào ghi nhận về tài sản của con nuôi (nếu có). Điều này sẽ gây khó khăn về chứng minh tài sản của con nuôi khi có tranh chấp liên quan cũng như khi Tòa án giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi. Vì vậy, để bảo đảm tốt hơn quyền lợi của con nuôi,

pháp luật cần bổ sung quy định về kê khai tài sản của con nuôi khi đăng ký việc nuôi con nuôi.

+ Về thủ tục giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi

Theo quy định tại Điều 29 BLTTDS năm 2015, chấm dứt việc nuôi con nuôi là yêu cầu, được giải quyết theo thủ tục giải quyết việc dân sự. Theo quy định của pháp luật, giải quyết việc dân sự là không có tranh chấp, nên không tiến hành hòa giải. Tuy nhiên có thể thấy, yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi vẫn có thể có tranh chấp khi một trong các bên chủ thể không muốn chấm dứt việc nuôi con nuôi, còn bên kia lại muốn chấm dứt. Trong những trường hợp đó việc hòa giải để các bên hàn gắn, đoàn tụ trong quan hệ cha mẹ và con là cần thiết, phù hợp với quan hệ nuôi con nuôi. Do đó, có thể thấy giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi còn có thể là vụ án HN&GD.

+ Về hệ quả pháp lý của việc chấm dứt nuôi con nuôi

Với quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Nuôi con nuôi, việc nuôi con nuôi xác lập quan hệ cha mẹ và con giữa cha mẹ nuôi và con nuôi, đồng thời con nuôi với các thành viên khác của gia đình cha mẹ nuôi cũng có những quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật dân sự, HN&GD. Vì vậy, khi việc nuôi con nuôi được Tòa án tuyên bố chấm dứt thì cũng làm chấm dứt không chỉ quan hệ giữa con nuôi với cha mẹ nuôi mà còn chấm dứt các quyền và nghĩa vụ giữa con nuôi với các thành viên khác trong gia đình cha mẹ nuôi. Vì vậy cần quy định rõ vấn đề này.

Như vậy, việc hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi là yêu cầu khách quan, cấp thiết trong điều kiện hội nhập và phát triển hiện nay, nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn nuôi con nuôi và bảo đảm tốt hơn quyền, lợi ích của các chủ thể trong quan hệ nuôi con nuôi. Việc cho nhận con nuôi ngày càng phát triển về quy mô và số lượng, ở cả trong nước và nước ngoài. Điều đó tạo cho trẻ em có cơ hội được sống trong gia đình, nhưng cũng đặt ra những thách thức mới đòi hỏi phải hoàn thiện các thiết chế và pháp luật về nuôi con nuôi, để giải quyết tốt việc cho nhận con nuôi, đảm bảo lợi ích của trẻ em được nhận nuôi. Tuy pháp luật nuôi con nuôi của nước ta đã có bước phát triển đáng kể, nhưng cũng bộc lộ những điểm hạn chế, cần được sửa đổi, bổ sung. Việc hoàn thiện pháp luật nuôi con nuôi phải giải quyết được những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu hội nhập với khu vực và thế giới trong xu thế toàn cầu hóa, đảm bảo lợi ích của trẻ em được nhận nuôi.

- Hoàn thiện thể chế về nuôi con nuôi nhằm cụ thể hóa chính sách của Đảng và Nhà nước

Trong giai đoạn 2011-2020, công tác nuôi con nuôi đã được Đảng, Nhà nước và Quốc hội quan tâm chú trọng. Cụ thể là: ngày 19/6/2020 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 121/2020/QH14 về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em. Ngày 07/01/2021 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 về Chương trình bảo vệ trẻ em quốc gia giai đoạn 2021-2030 và ngày 22/01/2021 Quyết định số 112/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình công tác xã hội giai đoạn 2021-2030. Đây là những định hướng chính sách pháp luật quan trọng về nuôi con nuôi, theo đó công tác quản lý nhà nước về nuôi con nuôi phải ngăn ngừa và chấm dứt các trường hợp nuôi con nuôi trái pháp luật; nuôi con nuôi thuộc Chương trình bảo vệ trẻ em quốc gia và Chương trình công tác xã hội giai đoạn 2021-2030.

Do đó, trong thời gian tới việc sửa đổi, bổ sung Luật Nuôi con nuôi cần thiết phải đáp ứng những yêu cầu như :

+ Thể chế hóa những chính sách pháp luật nêu trên, thông qua việc phát triển dịch vụ hỗ trợ việc nuôi con nuôi có tính tới yếu tố xã hội hóa một số khâu trong thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi nhằm giảm tải gánh nặng cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong bối cảnh tinh giản biên chế.

+ Tiếp tục nội luật hóa Công ước La Hay nhằm bảo đảm sự phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của Công ước như việc tách bạch hỗ trợ nhân đạo trong lĩnh vực nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, bổ sung hệ quả của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; quy định rõ trường hợp nào là nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo tiêu chí thường trú của cha mẹ nuôi và trình tự thủ tục thực hiện.

+ Tăng cường bảo đảm quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em được cho làm con nuôi trong nước thông qua việc sửa đổi, bổ sung quy trình đánh giá điều kiện đối với người nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi trên phương diện gia đình, xã hội, tâm lý và pháp lý nhằm khắc phục tình trạng người nhận con nuôi tự ý tìm kiếm trẻ em được nhận làm con nuôi, tiềm ẩn nhiều nguy cơ ảnh hưởng tới quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em; bảo đảm tính liên thông giữa nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; nâng cao vai trò của công tác hỗ trợ và công tác xã hội trong lĩnh vực nuôi con nuôi; giải

quyết việc nuôi con nuôi trong trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan như đại dịch Covid-19.

+ Bổ sung quy định về quản lý hoạt động của các tổ chức con nuôi nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo hướng nâng cao yêu cầu, trách nhiệm trong việc tư vấn, hỗ trợ, sử dụng biểu mẫu, sổ sách về nuôi con nuôi và số liệu thực hiện.

+ Bảo đảm sự thống nhất và tương thích giữa các quy định pháp luật khác có liên quan. Cụ thể là các quy định về vấn đề dân tộc của con nuôi, thay đổi hộ tịch của con nuôi, sự liên thông giữa thủ tục nuôi con nuôi và chuyển đổi thực hiện các biện pháp chăm sóc thay thế... được điều chỉnh trong các văn bản quy phạm pháp luật khác như Bộ Luật dân sự, Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành, Luật Trẻ em và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3.2.2. Các đề xuất tổ chức thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về nuôi con nuôi

Cần tăng cường, đổi mới hình thức, cách làm về công tác bồi dưỡng, tập huấn và hướng dẫn nghiệp vụ, tăng cường xây dựng các tài liệu tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho địa phương; tăng cường chỉ đạo giải quyết việc nuôi con nuôi; tăng cường quản lý các Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam dưới hình thức kiểm tra, thanh tra; cần đẩy mạnh hơn nữa công tác kiểm tra, thanh tra tại các địa phương hoặc đề nghị các địa phương gửi bản chụp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi để kiểm tra thông qua việc nghiên cứu hồ sơ; xây dựng và triển khai các bộ công cụ, tiêu chí giám sát, đánh giá việc giải quyết nuôi con nuôi cả trong nước và nước ngoài.

Ở địa phương, Sở Tư pháp cần xác định công tác chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về nuôi con nuôi là nhiệm vụ thường xuyên, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí nguồn kinh phí thỏa đáng để bảo đảm công tác tập huấn nghiệp vụ nuôi con nuôi; đẩy mạnh hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra vì việc thực hiện công tác này là một trong những biện pháp hữu hiệu để hạn chế được những sai sót xảy ra trong công tác đăng ký nuôi con nuôi.

- Rà soát, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác nuôi con nuôi, nâng cao trình độ, nhận thức của công chức tư pháp - hộ tịch trong công tác giải quyết việc nuôi con nuôi

Đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch ở cấp xã thường hạn chế về số lượng, lại phải kiêm nhiệm nhiều công tác tư pháp, thường xuyên luân chuyển nên tính chuyên nghiệp trong công tác nuôi con nuôi bị hạn chế, nhận thức về công tác

nuôi con nuôi đặc biệt trong việc thực hiện nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước còn hạn chế. Vì vậy, càng hạn chế luân chuyển công chức tư pháp - hộ tịch, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nhận thức trong công tác nuôi con nuôi cho đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ này; tăng cường chế độ, chính sách cho công chức tư pháp - hộ tịch nhằm yên tâm công tác; tăng cường điều kiện và cơ sở vật chất để công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện nhiệm vụ một cách thuận lợi hơn.

- Tăng cường các biện pháp bảo đảm thi hành Luật Nuôi con nuôi và Công ước La Hay

Nhằm bảo đảm thi hành Luật Nuôi con nuôi và Công ước La Hay, cần chú trọng biện pháp tăng cường nhân lực và nguồn lực tài chính thực hiện công tác đăng ký nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Hệ thống nguồn nhân lực từ cấp trung ương tới địa phương cần được bổ sung cho đủ biên chế, đội ngũ cán bộ ổn định; có đạo đức tốt và có kinh nghiệm tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi; được tập huấn, bồi dưỡng và đào tạo thường xuyên về quy định pháp luật và nghiệp vụ nuôi con nuôi. Đặc biệt, về lâu dài cần phải phát triển nguồn cán bộ công tác xã hội trong lĩnh vực nuôi con nuôi nhằm bảo đảm việc nuôi con nuôi được thực hiện theo cơ chế đa ngành nghề tâm lý, xã hội, gia đình và pháp lý; bảo đảm việc nuôi con nuôi phù hợp với đặc điểm, nhu cầu của trẻ em và phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Bên cạnh đó, tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong việc giải quyết nuôi con nuôi nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết nuôi con nuôi, công tác phối hợp liên ngành ở cấp trung ương và địa phương đều là những biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật. Đặc biệt ở địa phương, công tác này có ý nghĩa quan trọng, bảo đảm giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài được thực hiện phù hợp với quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em. Trong thời gian tới, cần tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài .

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm, kỹ năng liên quan đến việc nuôi con nuôi

Thường xuyên hoặc định kỳ tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu, theo chủ đề về pháp luật về nuôi con nuôi để nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ làm công tác giải quyết nuôi con nuôi, đảm bảo thực hiện đúng quy trình, nghiệp vụ giải quyết việc nuôi con nuôi trong thực

tiền, trên cơ sở đó đảm bảo được quyền, lợi ích của người nhận nuôi, của con nuôi.

Mở rộng hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi địa phương, đặc biệt là vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người... để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân; đặc biệt nhằm thay đổi nếp nghĩ và cách thức cho và nhận con nuôi

Nhằm thích nghi với tình hình mới, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về nuôi con nuôi cũng là nhiệm vụ trọng tâm khi đại dịch bệnh Covid-19 còn kéo dài. Trong giai đoạn tới, cần nghiên cứu, xây dựng và triển khai phần mềm đăng ký nuôi con nuôi liên thông trong nước và nước ngoài trên nền tảng hệ thống Phần mềm hộ tịch dùng chung; xây dựng phần mềm tư vấn trực tuyến về thủ tục giải quyết nuôi con nuôi trong nước và nước ngoài để người dân có thể tiếp cận được các thông tin pháp luật một cách nhanh chóng, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

KẾT LUẬN

Trong mỗi giai đoạn lịch sử, việc nhận và nuôi con nuôi nói chung đều hướng tới việc chăm sóc, nuôi dưỡng, thể hiện tình yêu thương đối với trẻ em được nhận nuôi, nhưng đồng thời cũng chịu ảnh hưởng của đạo đức, văn hóa, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của mỗi quốc gia trong từng hoàn cảnh lịch sử. Việc nuôi con nuôi là cơ sở để xác lập các mối quan hệ trong gia đình, thiết lập một thiết chế xã hội cơ bản trong mọi chế độ xã hội, do đó pháp luật các nước luôn có sự điều chỉnh các mối quan hệ nảy sinh từ việc nuôi con nuôi. Đó là yêu cầu, tất yếu, khách quan của sự điều chỉnh pháp luật về nuôi con nuôi, nhằm đảm bảo quyền, lợi ích tốt nhất cho trẻ em được làm con nuôi. Sự điều chỉnh của pháp luật nhằm đảm bảo xác lập môi trường gia đình an toàn, lành mạnh cho sự phát triển về thể chất, nhân cách của trẻ được nhận nuôi, tạo sự gắn kết chặt chẽ các mối liên hệ giữa con nuôi với các thành viên khác của gia đình cha mẹ nuôi, tạo dựng môi trường gia đình bền vững cho trẻ cũng như đảm bảo trật tự xã hội, phù hợp với mô hình gia đình mà nhà nước mong muốn xác lập.

Quy định của pháp luật về nuôi con nuôi trong giai đoạn hiện nay đã có bước tiến bộ vượt bậc so với các quy định trước, từng bước phù hợp với chuẩn mực quốc tế về nuôi con nuôi. Luật Nuôi con nuôi năm 2010 đã thiết lập khung pháp lý thống nhất điều chỉnh việc nuôi con nuôi, tạo thành một chỉnh thể pháp luật đồng bộ điều chỉnh việc nuôi con nuôi; xác lập những nguyên tắc cơ bản giải quyết việc nuôi con nuôi phù hợp với yêu cầu của Công ước La Hay, trên cơ sở đó thiết lập cơ chế giải quyết việc nuôi con nuôi trong sự liên kết chặt chẽ giữa nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, nhằm đảm bảo các quyền cơ bản và lợi ích tốt nhất của trẻ em làm con nuôi; xác lập khung pháp lý quan trọng trong hợp tác quốc tế về nuôi con nuôi giữa các nước, nhằm tạo ra cơ chế bảo vệ tốt nhất, hiệu quả nhất đối với trẻ em được cho làm con nuôi ở nước ngoài trong xu thế hội nhập hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Tư pháp (2016), *Báo cáo đánh giá 05 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 25/11/2016*, Hà Nội
- [2] Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Tài liệu trình Ủy ban thường vụ Quốc hội dự án Luật Nuôi con nuôi tháng 8/2009*, Hà Nội.
- [3] Cục con nuôi, Bộ Tư pháp, 2021 “*Chuyên Đề Đánh giá tình hình giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước theo quy định của Luật nuôi con nuôi giai đoạn 2011-2021*”, Tài Liệu Hội Nghị toàn quốc tổng kết thi hành Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay số 33 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế.
- [4] Cục con nuôi, Bộ Tư pháp, 2021 “*Chuyên đề Báo cáo đánh giá tình hình giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam theo Luật Nuôi con nuôi và Công ước La Hay số 33 giai đoạn 2011-2020*”, Tài Liệu Hội Nghị toàn quốc tổng kết thi hành Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay số 33 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế.
- [5] Dương Thị Mơ, 2020 “*Chế định nuôi con nuôi theo pháp luật Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ luật học.
- [6] *Kết quả thực hiện việc rà soát, đánh giá trẻ em cần tìm gia đình thay thế theo hướng dẫn tại Công văn số 166/CCN-PL&QLCNTN ngày 12/4/2021 của Cục Con nuôi gửi Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.*
- [7] Ngô Hà Chi, năm 2020 “*Quy định của pháp luật về nuôi con nuôi*”, Tạp chí Tòa Án
- [8] Nguyễn Thị Lan (2004), “*Một số vấn đề về chấm dứt việc nuôi con nuôi*”, Tạp chí Luật học, (6), Hà Nội.
- [9] Trần Ngọc Thùy Trang, 2017 “*Nuôi con nuôi trong nước theo pháp luật Việt Nam*”, Chuyên đề thực tập tốt nghiệp ngành kinh tế.
- [10] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2000), *Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.